

THÀNH DUY THỨC LUẬN THUẬT KÝ

QUYỂN 4 (PHẦN ĐẦU)

Kế đây lấy phần thứ hai dùng năm giáo mười lý để chứng minh có bản thức. Trong đó có ba đoạn: Thứ nhất là hỏi, thứ hai là đáp, thứ ba thì đến quyển 4 nói có thức này riêng, giáo lý rõ ràng, sau cùng là tổng kết khuyên tin.

Luận: “Vì sao nên biết”, đến “tự thể có riêng”.

Thuật rằng: Đây là người ngoài hỏi, không nói A-lại-da mà nói Thức thứ tám. Đây là nói chung, Bồ-tát bất thoái và ba Thừa vô học đều được có. Tên gọi kia đã bị câu thúc vì hàng Vô học không có. Nêu ra Thức thứ tám, không nói thức A-lại-da, như vậy các xứ chỉ có thức này nên biết. Như trong đoạn và thường nói A-lại-da, đây là từ nhân mà đặt tên. Lại nói đến chuyển vị, tức là Luận có cả Nhị thừa và Bồ-tát Thập địa, cho nên chẳng phải một bề dựa vào thức này so sánh để nói, thức này hiển bày chỗ nương ban đầu xả mà đặt tên, ý kia hiển bày có cả các giai vị làm văn, cho nên có hai thứ khác nhau. Vì sao nói lìa nhãn v.v... thức có tự thể riêng? A-lại-da gọi là ngã giáo cũng có trong chấp của Tiểu thừa, sẽ phân rõ riêng như ở dưới. Nhưng là sáu thức thì lại không có tự thể riêng, cho nên hiện tại hỏi rằng: Làm sao biết được lìa nhãn v.v... thức có tự thể riêng? Hoặc nói thức, nêu thức ra lấy đồng với pháp của các sắc khác, hiện tại nói là đẳng thức, chỉ lấy các thức khác, không lấy sắc v.v... Lại, theo dưới đây nói trong tất cả có, phá năm thủ uẩn chẳng phải ái trước xứ. Chấp lìa sắc thì không có tự thể riêng, chẳng những ở tại sắc, nay lẽ ra nói các thức như nhãn v.v... đồng chấp lấy tâm sở và sắc pháp, vì không lìa thức cho nên lược qua không nói sắc. Nêu vua chấp lấy quan mà không nói tâm sở, nêu thật để chấp lấy giả mà không nói đắc v.v... Niết-bàn chẳng phải cảnh ái cho nên ở đây không nói, là lìa năm thủ uẩn cùng thừa nhận không có tự thể riêng. Thức này lìa uẩn không cùng thừa nhận, nay đáp chung.

Luận: “Chánh lý của Thánh giáo làm định lượng”.

Thuật rằng: Trong đáp có hai phần, phần đầu là chung, phần sau là riêng. Đây là phần thứ nhất nêu ra giáo và lý nói là thức có tự thể. Điều này không phải là cảnh hiện lượng của thế gian, chỉ có tin lời bậc Thánh và so sánh mà biết là có, lấy hai lượng này làm chứng quyết định, nên nói là định lượng. Lượng là so lường ấn định, nên biết như thường. Dưới đây là phần đầu dẫn giáo để đáp riêng, phần sau là dùng lý để đáp riêng. Ngay trong giáo, phần đầu dẫn Đại thừa bất cộng giáo, vì Tiểu thừa không tin. Kế là dẫn Tiểu thừa giáo cùng thừa nhận, hai tông đều tin. Ngay trong bất cộng giáo có hai đoạn: Phần đầu lấy bốn bài tụng ba kinh làm chứng là có thức này, phần sau là lập Đại thừa thuộc chí giáo lượng. Trong dẫn kinh ở đầu có hai phần: Thứ nhất là dẫn kinh riêng, kế là chỉ chung so sánh. Nhưng hai kinh Nhiếp Luận thì đồng, một kinh các Luận thì không có, hai câu tụng ban đầu là kinh A-tỳ-đạt-ma, hai kinh sau vẫn tự hiển bày rõ, kinh của phần đầu này là Nhiếp Luận quyển 1, trong đó không có phần giải thích này, nên xét văn lại.

Luận: “Nói rằng có Đại thừa”, đến “trong Khế kinh nói”.

Thuật rằng: Đây là phân biệt với Tiểu thừa A-tỳ-đạt-ma, vì là Đại thừa. A-tỳ-đạt-ma và Khế kinh nói “như thường phân biệt”, không nói đối với hữu pháp mà nói Đối Pháp, có nghĩa quý và trì, nghĩa y theo nhân mà nói, pháp và hữu pháp không nhất định cho nên không đáng đặt thành câu hỏi.

Từ đây trở xuống, trong kinh đều có ba đoạn: Thứ nhất dẫn kinh và tụng, thứ hai giải thích riêng văn xuôi, thứ ba là tổng kết. Lại ở văn sau không dẫn ra chỗ sai lầm rườm rà.

Luận: “Cõi từ vô thủy đến nay”, đến “và Niết-bàn chứng đắc”.

Thuật rằng: Trong giải thích sau đây gồm có ba giải thích, thứ nhất là rộng, thứ hai là sơ lược, trong giải thích rộng, nửa phần đầu là nhân và duyên, như Nhiếp Luận quyển 1 của Thế Thân và Du-già quyển 51, phần sau giải thích lưu chuyển và hoàn diệt cũng như thế.

Luận: “Thức thứ tám này”, đến “mà hiển bày nó”.

Thuật rằng: Giải thích dưới đây có hai đoạn: Thứ nhất giải thích người ngoài vặn hỏi, thứ hai giải thích riêng bài tụng. Đây là giải thích thứ nhất. Nói có câu hỏi rằng: “Muốn hiển bày thức đó thì phải hiển bày thể, vì sao y theo nghĩa để giải thích thức đó?” Cho nên nay đáp rằng: “Thể tánh của thức này vi tế khó hiển bày, cho nên dùng tác dụng mà hiển bày thể của nó”. Nay Luận này nói thể của tự tánh là khác tên. Từ đây trở xuống trong giải thích, phần đầu là phán phân, phần sau là nêu giải thích.

Luận: “Trong bài tụng, nửa đầu”, đến “làm y trì dụng”.

Thuật rằng: Đây là phần đầu phán phân, còn phân nửa dưới có thể biết. Nửa bài tụng trên văn nghĩa có khác, cho nên câu của nó cũng khác. Câu thứ nhất của nó giải thích là nhân dụng, câu thứ hai kể đó là giải thích duyên dụng, nhưng câu thứ nhất bốn chữ “vô thủ đến nay” có cả câu thứ hai y dụng, câu thứ hai ba chữ “tất cả pháp” bao gồm nhân dụng trên, vì hiển bày lẫn nhau cho nên hai câu đầu đều tập trung vào một lời. Vì sao?

Luận: “Cõi nghĩa là nhân”, đến “nên gọi là nhân”.

Thuật rằng: Trong phần giải thích riêng có hai đoạn: Thứ nhất là giải thích phân nửa trên, thứ hai là giải thích phân nửa dưới. Trong giải thích phân nửa trên, phần đầu giải thích riêng hai câu, phần sau kết những điều đã nói. Giải thích câu thứ nhất làm dụng của nhân, nói giới tức là nghĩa của nhân, cho nên thành nhân dụng. Chúng tử và hiện hành trong thức là chủng tử thức, tuy lại hiện hành, cũng gọi là nhân tướng, vì chủng tử gần gũi năng sinh các pháp, từ vô thủ đến nay xoay vần nối tiếp, sát-na không dứt, gần gũi sinh các pháp. Câu nói “thân cận sinh” là hiển bày làm nghĩa của nhân, chẳng phải trợ duyên, vì thân cận năng sinh. Nói các pháp, tức là “tất cả pháp” của câu thứ hai, đây là lấy chữ “tất cả” của các đoạn văn nhắc lại dưới. Thức này vô thủ đến nay làm nhân cho tất cả pháp, cho nên trong kinh nói giới là dụng của nhân.

Luận: “Y là nghĩa của duyên”, đến “nên gọi là duyên”.

Thuật rằng: Dưới đây giải thích câu thứ hai có hai đoạn: Phần đầu giải thích chung bài tụng, phần sau giải thích riêng chữ y. Đây là giải thích chung bài tụng, tức là hiển bày thức chấp trì các pháp, vô thủ đến nay là nhắc lại bốn chữ trên, và ba chữ tất cả pháp là nhắc lại ba chữ dưới, vì bình đẳng làm chỗ nương dựa, cho nên nói là duyên. Đây là lược giải thích, dưới đây là giải thích rộng nghĩa duyên.

Luận: “Nói năng chấp trì”, đến “và làm chỗ nương của họ”.

Thuật rằng: Dưới đây là giải thích riêng chữ y, trong đó lại có hai phần: Phần đầu là chung, phần sau là riêng. Đây là chung. Hiện sở chấp trì, nhắc lại nghĩa của nhân trước hiển bày cùng làm chỗ nương. Nói rằng thức hiện hành có thể chấp trì chủng, do nghĩa của nhân này, nên cùng với tất cả các pháp hiện hành làm sở y, tức biến thành các pháp hiện hành kia, và có thể cùng với các pháp hiện hành kia làm chỗ nương dựa. Cùng với các pháp hiện hành làm chỗ nương tuy đồng, vì biến dị và bất biến dị, cho nên nói riêng.

Luận: “Biến đổi thành kia”, đến “và có căn thân”.

Thuật rằng: Dưới đây là giải thích riêng chữ y, tức là cảnh giới của sở duyên biến đổi. Không nói biến đổi chủng tử, vì tướng trầm ẩn cho nên lược qua không nói. Lại chủng thức lược qua nên không nói, lại chủng thức là chỗ chấp trì ở trước.

Luận: “Làm chỗ nương của họ”, đến “làm chỗ nương dựa”.

Thuật rằng: Tức là quả của bảy Chuyển thức không duyên biến đổi. Thế nào là y? Trước giải thích về năm thức.

Luận: “Vì năng chấp thọ”, đến “nương đó mà chuyển”.

Thuật rằng: Do thức này chấp thọ năm sắc căn cho nên năm thức được chuyển, tức là hiển bày thức này xoay vần làm chỗ nương. Nếu không chấp năm căn của nó thì thức không được nương, như người chết, cho nên nói làm duyên. Cũng có chủng y, nhưng là nhân duyên, nay y theo năm căn tăng thượng cùng thừa nhận chung để hiển bày xứ. Giải thích ý thức.

Luận: “Lại nữa, cùng với mặt-na”, đến “nương đó mà chuyển”.

Thuật rằng: Tuy Thức thứ tám có thể cùng với mặt-na làm căn của Câu hữu y, chủng tử y và làm sở duyên, nhưng nay Luận này chỉ lấy chỗ nương của câu hữu mà nói làm chỗ nương dựa cho mặt-na, Ý thức thứ sáu nương đó mà được chuyển. Lại, Thức thứ tám có thể cùng với các pháp là gốc y chỉ, mặt-na làm chỗ nương cho Thức thứ sáu chuyển, các duyên tăng thượng căn như nhãn căn v.v... Thức thứ sáu nương riêng Thức thứ bảy, Thức thứ bảy nương Thức thứ tám, điều đó các tông không thừa nhận, lẽ ra phải lập lượng.

Luận: “Mặt-na và ý thức”, đến “nương vào Câu hữu y”.

Thuật rằng: Hai Thức thứ bảy và thứ sáu cũng nương vào Câu hữu y vì thuộc Chuyển thức, năm thức như nhãn v.v... nhân của Thức thứ sáu nói thuộc Chuyển thức, tức là lấy thức mặt-na thứ bảy làm chỗ nương, thừa nhận Thức thứ sáu thuộc về Chuyển thức. Nhân của mặt-na cũng thuộc Chuyển thức mà làm nhân. Đây là tùy theo một, nay lẽ ra thành hữu căn thứ sáu tức là thức mặt-na, mặt-na đã thành rồi thì thừa nhận là Chuyển thức, cho nên được làm nhân. Tông và nhân trong đây, y theo văn mà chấp lấy lý.

Từ trên đến đây phân rõ bản thức làm chỗ nương đã xong. E rằng người ngoài khác hỏi về tánh của Thức thứ tám lẽ ra cũng có chỗ nương? Dưới đây hiển bày Thức thứ tám cũng lấy Thức thứ bảy làm chỗ nương, vì Thức thứ bảy không gián đoạn, ngoài ra Thức thứ sáu thì đoạn.

Luận: “Lý của Thức thứ tám lẽ ra”, đến “làm Câu hữu y”. Thuật rằng: Lượng rằng: “Thức thứ tám lẽ ra lấy Thức thứ bảy

làm Câu hữu y, vì là tánh của thức, như Thức thứ sáu. Ở đây có năm thức làm lỗi bất định, lẽ ra nói: “Thừa nhận là tánh của thức, chẳng phải năm thức”. Ở đây cũng không như thế, Thức thứ bảy thừa nhận chẳng phải năm thức là tánh của thức, nên đều nói: “Lý của Thức thứ tám lẽ ra có Câu hữu y, vì là tánh của thức, là các thức như nhãn v.v... pháp này không nói lấy Thức thứ bảy làm chỗ nương, không có lỗi bất định. Như vậy tuy nói làm chỗ nương cho Chuyển thức mà nhân hiển bày Thức thứ tám lấy Thức thứ bảy làm chỗ nương. Nếu không như thế thì trước nói về mặt-na lấy Thức thứ tám làm Câu hữu y có lỗi bất định, vì Thức thứ tám không có Câu hữu y, cho nên nói Thức thứ tám cũng có Câu hữu y. Trong đây không tranh cãi nhân của Vô gián y và chủng tử, nhân của chủng tử ở câu trước, cho nên chỉ tranh cãi đồng thời có.

Luận: “Là nói thức này làm dụng của nhân duyên”.

Thuật rằng: Thứ hai là tổng kết hai câu tụng trên. Kế là giải thích hai câu dưới, trong đó có hai phần: Thứ nhất là giải thích có các đường, thứ hai giải thích có Niết-bàn. Trong giải thích có các đường lại có ba đoạn: Thứ nhất là giải thích chung bài tụng, thứ hai là giải thích riêng, thứ ba tổng kết. Đây là phần thứ nhất.

Luận: “Do đây có là do có thức này”.

Thuật rằng: Cho là “do đây có” là nói câu thứ hai ở trước. Có thể cùng với tất cả pháp hiện hành làm thức sở y. Trong bài tụng có câu “quán thông hai xứ” là nói trong thức này có thể có, và trong chỗ có của các đường dưới và Niết-bàn chứng đắc. Lại, do có thức này mà nói, có các đường là có đường thiện và ác. Vì thiện và ác thuộc về năm đường, tức là chữ hữu ở trên chung với tất cả nhiễm ở dưới.

Luận: “Nói do có thức này”, đến “lưu chuyển trong sinh tử”.

Thuật rằng: Dưới đây là phần thứ hai giải thích rộng nghĩa có ở trước. Trong đó có hai phần, thứ nhất là chánh giải thích, thứ hai là phân biệt. Đây là chánh giải thích, là do có câu thứ hai này, chỗ nói thức hiện hành của sở y, vì chấp trì chủng tử tạp nhiễm của câu thứ nhất. Nói rằng giới là nhân là chủng tử thức. Chủng tử nhiễm này thuận theo pháp trôi lăn sẽ sinh hiện hành, khiến cho các hữu tình trôi lăn trong sinh tử. Hiện hành pháp nhiễm gọi là trôi lăn, chủng tử pháp nhiễm gọi là thuận lưu chuyển, là thành pháp Hữu lậu đều gọi là lưu chuyển. Đối Pháp quyển 4 ghi: “Pháp nào là lưu chuyển? Là tất cả sinh tử”, tức là cái trước thuận theo cái sau, thể của nó thuận theo dụng. Nếu thế thì lẽ ra khổ và tập Hữu lậu đều gọi là lưu chuyển. Vì sao trong bài tụng nói thiên về các đường?

Luận: “Tuy hoặc nghiệp sinh”, đến “thù thắng cho nên nói thiên”.

Thuật rằng: Dưới đây là chánh phân biệt có hai nghĩa giải thích. Đây là nghĩa thứ nhất. Giải thích câu hỏi kia rằng: “Tuy hoặc nghiệp và sinh là khổ và tập Hữu lậu, đều là lưu chuyển, đều là sinh tử”. Nhưng năm đường là quả khổ sinh tử thù thắng, cho nên nói thiên về nó. Quả chánh sinh tử là pháp thuận theo, tánh của nghiệp và hoặc có thể thuận theo quả sinh tử, cho nên nêu ra thiên về quả. Trong đây chỗ giải thích chấp trì tất cả pháp thuận lưu chuyển, đã có quả sinh tử làm thể của sự lưu chuyển. Chấp trì thuận, tức là chấp trì pháp của nghiệp và hoặc có thể thuận theo, chẳng phải như sắc v.v... gọi là chấp trì. Đây tức là chấp trì y trì gọi là chấp. Thức là nghiệp hoặc hiện hành nương vào chấp trì. Thức không chấp nghiệp hoặc hiện hành kia để làm cảnh. Giải thích này không khác với trước.

Luận: “Hoặc các đường nói là có cả năng thú và sở thú”.

Thuật rằng: Đây là nghĩa thứ hai. Trong nghiệp, hoặc đều có, cũng là trong bài tụng có nói về các đường. Trong nghiệp, hoặc có là năng thú. Vì sao năng thú cũng gọi là thú? Thú là sở thú, trong nghiệp hoặc có, nương theo nhau nên gọi là thú.

Luận: “Vật dụng của các đường cũng được là thú”.

Thuật rằng: Nói rằng khí thể gian là chỗ cần thiết của thú. Vật dụng của thú, nương theo sở thú cũng gọi là thú. Lời nói giúp hoặc, giải thích hai tên hoặc và nghiệp là nguyên nhân của thú, chỉ nói bên trong, nói chung thì sinh tử trôi lăn có cả các Hữu lậu, nay trong bài tụng này chỉ nói riêng thú. Năng thú, sở thú và vật dụng đều đặt tên thú, chẳng phải chỉ có sở thú. Như hỷ và các pháp thuận theo hỷ thì gọi là hỷ giác chi v.v...

Luận: “Các hoặc nghiệp sinh”, đến “làm y trì dụng”.

Thuật rằng: Thứ ba là tổng kết. Do có thức này mà tạo thành phiền não tạp nhiễm, thành nghiệp tạp nhiễm, thành sinh tạp nhiễm, thành tịnh thể gian, nhiếp các Hữu lậu, các pháp này thành như trên đã nói, cùng với lưu chuyển làm y trì dụng. Cùng với hoàn diệt là y trì dụng, nghĩa đó thế nào?

Luận: “Và Niết-bàn chứng đắc”, đến “có Niết-bàn chứng đắc”.

Thuật rằng: Từ đây trở xuống là phần thứ hai giải thích câu tụng dưới. Trong đó có ba đoạn: Thứ nhất là giải thích chung bài tụng, thứ hai là giải thích riêng, thứ ba là tổng kết. Đây là phần thứ nhất. Nói rằng các pháp trên do thức này có mà nói, cũng có cả thức này. Nhắc lại ở trên có thể có thức này rồi mới hiển bày tất cả chứng đắc Niết-bàn ở

dưới.

Luận: “Nói rằng do có thức này”, đến “chứng đắc Niết-bàn”.

Thuật rằng: Đây là giải thích riêng rộng. Trong đó có hai phần: Phần đầu nói chung, phần sau phân biệt. Vô lậu chủng trong thân, gọi là thuận pháp hoàn diệt. Nói Hoàn diệt, quyển 51 giải thích rằng: “Hoàn là đạo đế, diệt là diệt đế, tức là chủng tử thuận hiện hành, đạo có thể chứng diệt, hoặc cùng với đạo hiện hành làm chỗ nương trì, khiến cho chứng đắc Niết-bàn”. Trước thuận với sau, thể thuận với dụng, hoàn thuận với diệt, cứ nên giải thích như trước. Giải thích này thuận với câu một ở dưới, chỉ nói sự giải thích sự chứng đắc, tức là nếu thanh tịnh xuất thế mà không có thức này thì đều không được thành, hoặc nhiếp thanh tịnh thế gian, xa chứng Niết-bàn. Hoặc chỉ có Niết-bàn là thức chấp trì, cũng là nương chấp. Tuy nói chấp trì pháp chủng Vô lậu, mà ý chứng Niết-bàn chỉ chấp lấy Niết-bàn, vì là chỗ nương chấp. Nhiếp Luận quyển 4 nói tánh y tha khởi trong ba tánh làm chỗ nương của chấp biến kế, cũng làm chỗ nương của tánh Viên thành thật. Niết-bàn là quả sở cầu, cho nên ở đây nói riêng về nó, thuận với câu thứ hai ở dưới chỉ chấp lấy Niết-bàn để giải thích. Câu thứ ba là chấp cả hai, chấp trì Vô lậu chủng và sở y Niết-bàn. Trong giải thích bài tụng nói chứng đắc Niết-bàn, là chấp lấy chứng đắc hay chấp lấy Niết-bàn?

Luận: “Trong đây chỉ nói”, đến “thức này có”.

Thuật rằng: Phân biệt dưới đây có ba nghĩa. Đây là nghĩa thứ nhất. Nói rằng ở đây chỉ nói có thể chứng đắc đạo, chấp Vô lậu chủng mà chẳng phải chấp Niết-bàn, vì Niết-bàn không gần gũi nương thức này, xa thì có thể nương, nay nói gần gũi, đây là sự thứ nhất.

Luận: “Hoặc ở đây chỉ nói”, đến “chánh sở cầu”.

Thuật rằng: Đây là nghĩa thứ hai. Như trước dẫn giáo, chỉ gần gũi chấp Vô lậu chủng và Niết-bàn là sở cầu.

Luận: “Hoặc ở đây nói cả hai”, đến “thuộc về phẩm loại”.

Thuật rằng: Đây là nghĩa thứ ba. Hai pháp đồng thời thuộc về phẩm loại hoàn diệt. Ý nay muốn nói chẳng những đạo là hoàn, Niết-bàn là diệt, đạo là năng hoàn, Niết-bàn là sở hoàn. Niết-bàn cũng thuộc phẩm loại của hoàn, diệt là diệt thể, cũng thuận với đoạn diệt pháp nhiệm của họ, vì có thể thuận với diệt, cũng nói là thuộc phẩm loại của diệt. Đạo và Niết-bàn đồng thời có thể nói là hoàn, đồng thời có thể nói là diệt, nói đồng thời là thuộc phẩm loại của hoàn diệt, là thuộc phẩm loại kia, chẳng phải thể kia. Vì sao biết được trong đây nói cả hai?

Luận: “Cho rằng câu nói Niết-bàn”, đến “hiển bày năng đắc

đạo”.

Thuật rằng: Tức là câu Niết-bàn trong bài tụng, là hiển bày Niết-bàn, chỉ chung các điều trên, nên biết là nói cả hai.

Luận: “Do năng đoạn đạo”, đến “chứng đắc Niết-bàn”.

Thuật rằng: Nói rằng do hoàn cho nên dứt lưu chuyển trước mà chứng đắc Niết-bàn, do đó chấp lấy cả hai.

Luận: “Năng sở đoạn chứng”, đến “làm y trì dụng”.

Thuật rằng: Phần thứ ba là tổng kết. Năng đoạn đạo, sở chứng hoặc, năng chứng đạo, sở chứng diệt đều nương vào thức này, cho nên cùng với hoàn diệt làm y trì dụng. Một chữ “đoạn” có cả năng và sở, một chữ “sở” có cả đoạn và chứng. Ba thuyết trong đây, nên y theo giải thích bài tụng, kế là phần thứ hai giải thích.

Luận: “Lại, trong bài tụng này”, đến “làm sở y chỉ”.

Thuật rằng: Trong đó có ba đoạn: Thứ nhất là phần tụng chung, thứ hai là giải thích riêng, thứ ba là tổng kết. Đây là phần chung, tức là câu thứ nhất hiển bày thể của thức này chẳng phải mới có mà có từ vô thủy. Nêu ra tự thể tức là chủng tử thức, ba câu sau hiển bày thức này làm chỗ nương chung và riêng hai pháp nhiễm và tịnh. Nói rằng sở y của tất cả pháp là chung y của hai pháp nhiễm và tịnh, tức là thức hiện hành, hoặc đồng thời hiện hành. Nghĩa của giới tánh và nhân, cái nào làm nhiễm và tịnh? Do đây mà có các đường, là có thể nương vào pháp nhiễm và Niết-bàn chứng đắc, là tịnh pháp năng y. Đây là riêng y của hai pháp nhiễm và tịnh. Chữ “y” của câu thứ hai, thuộc về y của chung, do đây mà chữ hữu thuộc hai y riêng, vì có cả nhiễm và tịnh. Hoặc thuộc năng y và sở y vì có cả năng hữu và sở hữu. Cái gì là pháp nhiễm?

Luận: “Pháp tạp nhiễm”, đến “sinh và nghiệp hoặc”.

Thuật rằng: Dưới đây là giải thích riêng. Nói rằng tất cả pháp Hữu lậu của hai Đế khổ tập, sở thú Khổ đế, năng thú Tập đế, là sinh và nghiệp hoặc. Đây là giải thích tương riêng, nhưng sinh nghiệp hoặc đều có cả khổ tập. Lại, trong Đại thừa có khổ chẳng phải tập, nói rằng sự sinh của các pháp Dị thực và Vô ký chỉ có Khổ đế. Trong giải thích riêng về nhiễm, tuy chỉ nói đường, nhưng cũng có cả năng thú, cho nên chấp lấy Tập đế. Cái nào là pháp tịnh?

Luận: “Pháp thanh tịnh”, đến “Niết-bàn và đạo”.

Thuật rằng: Nói rằng diệt đế và đạo đế là tất cả Hữu vi vô lậu và Vô vi vô lậu, sở chứng của diệt đế, năng chứng của đạo đế, trong đây chỉ lấy các pháp Vô lậu làm thể của đạo đế, không lấy các Hữu lậu trong gia hạnh và đạo tư lương, vì chưa chứng diệt. Trước nói về văn

huân tập có cả Hữu lậu và Vô lậu. Luận Đối Pháp cũng đồng.

Luận: “Hai pháp kia đều nương”, đến “lý không thành”.

Thuật rằng: Thứ ba là tổng kết. Hai pháp nhiễm và tịnh đều nương vào thức này mà có. Chuyển thức không thể vô thí hằng có để làm tổng y và biệt y của nhiễm và tịnh, tổng kết các điều trên.

Luận: “Hoặc là câu đầu”, đến “làm sở y chỉ”.

Thuật rằng: Phần thứ ba giải thích, trong đó có hai đoạn: Phần đầu là khoa, phần sau là phối. Đây là phần đầu. Hoặc lại câu đầu là hiển bày thể của thức này vô thí nối tiếp, ba câu sau hiển bày cùng với ba chủng tự tánh làm sở y chỉ. Đây là phần chung đã xong, dưới đây là thuộc về riêng.

Luận: “Nói rằng y tha khởi”, đến “như kế đây nên biết”.

Thuật rằng: Nói rằng y tha khởi, là chỗ nương của tất cả pháp trong câu thứ hai, pháp Hữu vi của Hữu lậu và Vô lậu, tức là thức này chứa đựng các pháp chủng, nên nói là sở y. Chấp biến kế tức là câu thứ ba, do thức này mà có các đường. Nói rằng khởi chấp cho nên các đường liền sinh đường kia, hoặc duyên các đường mà khởi chấp, đây do kia mà khởi chấp cho nên là tánh của họ. Hoặc thú là kiến thú, vì khởi hai chấp. Tánh Viên thành thật là câu thứ tư và Niết-bàn chứng đắc, tức là pháp Vô lậu của Hữu vi và Vô vi, bốn pháp thanh tịnh làm tánh Viên thành thật. Niết-bàn và chứng đắc đều nói riêng, Nhiếp Luận ghi: “Thức A-lại-da là chỗ nương của nhiễm và tịnh”. Nói tánh y tha cũng làm chỗ nương của biến kế, Viên thành và y tha. Tánh y tha vốn tức là thức này, kế đó phối hợp ba câu như ở đây nên biết. Nhưng lấy nghĩa để so sánh bốn câu trong bài tụng. Bốn Đế tập, khổ, diệt và đạo giải thích riêng đối với lý không trái ngược, vì thú là lý sở thú diệt đế của ba Thừa. Giải thích kinh thứ nhất đã xong. Nhưng trong Nhiếp Luận giải thích điều này có đồng và khác. Tùy dò xét văn này, nhưng ba giải thích này thì Luận kia chưa có.

Luận: “Nay trong bài tụng này”, đến “đều không đắc”.

Thuật rằng: Đây là tổng kết.

Luận: “Tức là trong kinh ấy”, đến “pháp thù thắng thì ta mở bày”.

Thuật rằng: Bài tụng thứ hai trong Đạt-ma kinh, từ đây trở xuống là giải thích rộng, cho nên không giải thích.

Luận: “Do bản thức này”, đến “các pháp tạp nhiễm”.

Thuật rằng: Giải thích dưới đây có ba đoạn: Thứ nhất hợp chung giải thích hai câu trên, thứ hai giải thích câu ba, thứ ba giải thích câu

bốn, đây là giải thích thứ nhất. Lấy chữ do của câu đầu, chữ thức của câu kế và câu tất cả chung, như ở đây vốn có đủ ba chữ, nói do bản thức này mà đầy đủ các chủng tử. Nhưng ban đầu lại lấy câu “Cho nên có thể” thêm trên chữ nhiếp tàng trong câu thứ nhất, giữa hai chữ “các pháp” thêm hai chữ tạp nhiễm, “cho nên có thể nhiếp tàng các pháp tạp nhiễm”.

Luận: “Y theo đây lập ra tên A-lại-da”.

Thuật rằng: Dưới đây là phần thứ hai, đều lấy câu thứ ba kết thúc. Y theo đây kiến lập ra tên A-lại-da, do đó gọi là A-lại-da, tức là năng tàng để giải thích tàng thức. Chẳng phải chỉ có năng tàng để giải thích A-lại-da, vì sau tám Địa thì không còn gọi là tàng thức. Trong đây dùng các Luận như Đối Thắng Tánh v.v..., chỉ nêu ra năng tàng để giải thích nghĩa. Đây là chánh nói về danh nghĩa của A-lại-da. Kế là phân biệt với chỗ chấp của người ngoài, người ngoài chấp rằng: ba đức và minh tánh khi sắp khởi chuyển biến thì gọi là thắng tánh, chuyển thành hai mươi ba Đế của đại. Có đủ như trong bài tựa trước. Luận kia tuy chấp có nhân quả nhưng thể nhất định là một, là thường, hiện tại là thức A-lại-da.

Luận: “Không phải như thắng tánh”, đến “thể không phải một”.

Thuật rằng: Đây là ngăn chấp Tăng-khư là thắng tánh, tức là thể của tự tánh khởi dụng gọi là thắng tánh, không phải như một của họ. A-lại-da này cùng với quả của các pháp chẳng phải một chẳng phải khác. Vả lại, đối với Luận kia mà nói thể tánh khác.

Luận: “Năng y, sở y đồng thời sinh diệt”.

Thuật rằng: Các pháp và thức, năng y và sở y đều là sinh diệt, chẳng phải như thường kia, cho nên đồng với chỗ chấp khác của Tăng-khư, nhưng vẫn trong Nhiếp Luận lại vặn hỏi chỗ đó, ý nghĩa rất giống nhau, nhưng là phần kết nên gọi là A-lại-da.

Luận: “Cùng với pháp tạp nhiễm”, đến “gọi là A-lại-da”.

Thuật rằng: Trong bài tụng chỉ phá thắng tánh làm nhân, chỉ y theo năng tàng để giải thích A-lại-da, không phải là ngã, nay nhiếp tàng lẫn nhau, văn của Nhiếp Luận thì đồng. Nhưng nay hữu tình chấp làm ngã, trong tụng thì không có, nói thêm ý nghĩa là vì chấp làm ngã cho nên chánh gọi là tàng, có nghĩa này nên gọi là A-lại-da. Hoặc nên gọi là chữ A-lại-da để hiển bày ra nghĩa tàng, tức là cùng với pháp nhiếp nhiếp tàng lẫn nhau. Trước giải thích hai câu trên kết, ở đây lại hiển bày riêng nghĩa của A-lại-da, cho nên khác với trước, thắng giả là ngã mở bày.

Luận: “Đã nhập Kiến đạo”, đến “chánh vì mở bày”.

Thuật rằng: Dưới đây là câu thứ tư. Bồ-tát nhập địa gọi là thắng giả, họ khế hợp với Duy thức, cho nên có thể chứng giải thức A-lại-da. Không sinh phỉ báng phân biệt chấp ngã, cho nên ngã Thế Tôn chánh vì mở bày. Địa vị của mình đã đắc, khiến cho nhiều lớp trong sáng, khiến cho càng hiển bày nữa. Địa sau chưa đắc thì khiến cho đó tiến tu, nay vì mở bày.

Hỏi: Nếu thế thì Địa tiền không nói cho nghe, làm sao được nghe, chỗ nào tu tạo, sau khi nhập địa thì đắc chân Duy thức?

Luận: “Hoặc các Bồ-tát”, đến “nên cũng vì nói”.

Thuật rằng: Bất Luận Bồ-tát địa thượng hay Địa tiền đều gọi là thắng giả, Phật vì họ mà nói. Địa tiền tuy vẫn chưa thể chứng giải, nhưng có thể tin hiểu không sinh phỉ báng, mong cầu quả chuyển y của thức này, cho nên cũng vì đó nói. Ngã, tức là Thế Tôn tự xưng, mở bày đối với ngã, hoặc pháp, y theo như trước giải thích. Không nói địa thượng trở xuống thì đồng. Nhiếp Luận quyển 1 chỉ có giải thích phần đầu, cũng không có giải thích phần sau, có khác chút ít với ở đây.

Luận: “Chẳng phải các Chuyển thức có nghĩa như vậy”.

Thuật rằng: Đây là phần tổng kết. Chỉ có Thức thứ tám nhiếp tàng các pháp, là chủng tử thức, gọi là A-lại-da. Thế Tôn vì thắng giả mới giải thích. Thức thứ sáu không như thế, có thể hiểu ngược lại. Bài tụng thứ ba là bài tụng trong kinh Giải Thâm Mật, Du-già quyển 51 đồng với văn này.

Luận: “Kinh Giải Thâm Mật”, đến “sợ họ phân biệt chấp làm ngã”.

Thuật rằng: Văn xuôi tự giải thích.

Luận: “Vì có thể chấp trì”, đến “gọi là A-đà-na”.

Thuật rằng: Ở đây có ba nghĩa giải thích. Nhiếp Luận có hai, không có chủng tử ban đầu, nếu mong chủng tử thì gọi là chấp trì, vì khiến cho chủng tử không mất, không có giác thọ, sắc căn và y xứ gọi là chấp thọ, vì khiến cho căn không hoại, sinh giác thọ. Hoặc ban đầu kết sinh, sau đó sinh nối tiếp thì gọi là chấp thủ, vì chấp các hữu. Hoặc làm chủng tử y trì lãnh lấy làm cảnh gọi là chấp trì, chấp sắc căn v.v... khiến cho sinh giác thọ, gọi là chấp thọ. Nhiếp kết sinh ban đầu gọi là chấp thủ, hoặc mong y xứ bên ngoài thì không gọi là A-đà-na, không có nghĩa chấp trì. Đây là giải thích nghĩa chấp trì, vì nghĩa của thức như thường. Trước giữa và sau bài tụng đều không giải thích thức. Có ba nghĩa này thì thức này gọi là A-đà-na. Kết bốn chữ trên câu thứ nhất, tức là lấy chữ thức thứ tư, mà kết ba chữ trên.

Luận: “Vô tánh hữu tình”, đến “nên gọi là rất nhỏ nhiệm”.

Thuật rằng: Vô tánh hữu tình trong năm chủng tánh, không thể giải thích cùng tận cội nguồn của nó, nên nói là rất nhỏ nhiệm. Điều này chỉ có phàm phu, ngoài ra chủng tánh Nhị thừa thì quyết định, hoặc phàm hoặc Thánh không thể thông đạt. Nói rằng không thể chứng, nên gọi là rất nhỏ nhiệm. Thông đạt là chân thật chứng đắc đạo Vô lậu đó. Vì họ chưa chứng, chẳng phải không được gọi là bất thông đạt, vì Thanh văn bất ngu pháp cũng tin nghe, nhưng không tu tạo, do đây có sinh vô sắc nhập diệt định v.v..., chẳng phải có chủng tánh Đại thừa hoặc Thánh hoặc phàm. Và trong Nhị thừa hoặc phàm hoặc Thánh tánh bất định, Phật không vì hạng người này nói. Nếu kia quyết định tánh Đại thừa hoặc phàm phu thì cũng vì hạng này mà nói, tức là người nào tu tạo chân Duy thức quán, chúng ta được nghe thức này. Nhị thừa hồi tâm hoặc phàm hoặc Thánh, đều không vì nói, lẽ ra không được gọi là hồi tâm, không khởi ba tánh quán của Duy thức quán, chỉ trừ những người này, Phật không vì nói, khiến cho người đó chứng nhập. Chẳng phải những người không trừ, cũng không vì đó nói. Do đây nên biết, Niếp Luận nói chung phàm phu và Nhị thừa, lý chưa nhất định, vì có lỗi trước, tức là giải thích một câu tụng trên đã xong, kể là giải thích câu thứ hai.

Luận: “Là chủng tử chân thật của tất cả pháp”.

Thuật rằng: Chánh nêu ra thể hiện hành của thức này, chủng tử là nhân, tức là bốn chữ trên.

Luận: “Duyên kích liên sinh”, đến “giống như dòng thác”.

Thuật rằng: Đây là chánh nêu công năng của thức, hiển bày ngược lại ở dụ, chánh sinh ra văn Luận, hằng không gián đoạn cũng như dòng thác. Giải thích câu thứ hai xong. Sau đây giải thích chung hai câu thứ ba và thứ tư. Lại còn giải thích hai chữ “phàm” và “ngu” trong câu thứ ba, là lấy lỗi “sợ họ khởi phân biệt” trong câu thứ tư, tức là hướng thượng lấy “Thế Tôn ta không giảng nói cho nghe”.

Luận: “Phàm tức là vô tánh, ngu tức là thú tịch”.

Thuật rằng: Tức là chỗ trừ bỏ nói ở trên.

Luận: “Sợ họ đối với thức này”, đến “không vì mở bày”.

Thuật rằng: Nếu khởi phân biệt hai chấp ngã và pháp thì phàm đọa vào đường ác, ngu chướng Thánh đạo. Vì phàm không có Thánh đạo, hàng ngu Thánh có thể sinh, cho nên đều nói nghĩa thiên lệch, e rằng có lỗi này. Thế Tôn ta không giảng nói cho nghe, nhưng không vì nói Thức thứ bảy của phàm ngu hằng duyên Thức thứ tám chấp làm hai

ngã kiến và pháp kiến. Vì sao không vì phạm ngu mà nói? Đây là tăng của nước La-la ở phía Nam Ấn Độ tên là Bát-nhã-đa-la, Hán dịch là Tuệ Tạng, học trò của An Tuệ, ba đời làm thầy vua, sáng tác bảy trăm bài tụng phỉ báng Đại thừa. Trong Luận nói như vậy, là lời Phật nói vì sao trái nhau? Bác bỏ lý Đại thừa là chẳng phải thuyết thiện, lý Đại thừa này nghĩa không thông đạt thì không vì nói. Thức thứ bảy chỉ sinh ra câu sinh ngã kiến, không sinh đường ác, chưa chướng ngại Thánh đạo, hoặc khi vì nói thì tăng thêm chướng phiền não, Sở tri chướng và phân biệt ngã kiến và pháp kiến. Thức thứ sáu khởi chướng Thánh đạo thì liền sinh đường ác, cho nên không vì nói, Thức thứ bảy đồng thời với ngã kiến là môn nào? Ở đây chỉ có phú, vì nó là Bất thiện, trước đã nói riêng, nhưng ông không biết lỗi của hoặc câu sinh và hoặc phân biệt, mà lầm đặt câu hỏi này. Đây tức là Đại sư Huyền Trang trong sự chế ngăn ác kiến mà có phân biệt này, các sư phương Tây đều kính mến. Sau đó vua Giới Nhật ba lần sang gọi Bát-nhã-câu-đa, muốn Luận nghị với Đại sư ta, nhưng Bát-nhã-câu-đa từ chối không chịu đến. Một lần từ chối vì không thể cỡi ngựa, một lần từ chối vì bị nóng, một lần nữa vua sắp đem voi mẹ đến đón thì từ chối vì tuổi đã già. Từ xa ông đã rất kính phục Đại sư, chỉ vì trí đã cùng tận trong biển tánh, học hết nguồn mầu nhiệm, cho nên điều nói ra đều làm khuôn phép cho ngàn xưa. Nhưng quan sát hạng phạm ngu đều là ngu pháp, cho nên không vì nói. Nếu chẳng phải ngu pháp thì tuy quyết định tánh cũng vì đó nói. Nhưng lại có vận hỏi, tuy không vì các ngoại đạo nói có A-đà-na, nhưng cũng có sinh hai chướng phân biệt ngã pháp. Những hạng này vì sao không nói? Không phải như vậy, vì họ vọng chấp ngã, đắm chìm trong đường ác, vì mong họ tu vô ngã mà được đoạn trừ, nay lại nói bệnh nặng nghịch tăng, họ liền chấp có riêng thật thể, phân biệt ngã pháp, sẽ đọa sâu vào đường ác, cho nên không vì đó nói. Tuy có chủng tánh có thể nghe và tin hiểu, nhưng căn cơ chưa thuần thực, cũng không vì đó nói. Như pháp Nhất thừa tín căn đã thuần thực thì liền vì đó nói. Trong đây nói theo hoàn toàn năm chủng tánh chẳng phải nói theo phần ít. Tuy có chủng tánh căn chưa thuần thực thì liền sinh phỉ báng, không thể vì những người đó mà nói nghĩa sâu xa.

Luận: “Chỉ có Thức thứ tám mới có tướng như vậy”.

Thuật rằng: Đây là phần thứ ba tổng kết, kể là bài tụng thứ tư, tức là kinh thứ ba.

Luận: “Kinh Nhập Lăng-già cũng nói như vậy”.

Thuật rằng: Lăng-già là tên núi của nước Sư Tử. Nói nhập, là

ngày xưa khi Phật nhập vào đó vì các vua quan đó mà thuyết pháp nên nói là nhập, tức là Phật đáp tụng trong quyển 2 của kinh Lăng-già bộ mười quyển, bài tụng trong kinh Lăng-già quyển 1 của bộ bốn quyển, như sóng to trong biển lớn, đó là do gió mạnh khởi lên, sóng to vỗ vào hang hóc tối, không có lúc nào dứt. Biển tàng thức cũng như thế, bị gió cảnh giới thổi động, sóng chũng tử của các thức vọt lên mà chuyển sinh. Nhưng bài tụng trong kinh đó có khác chút ít với Luận này. Chữ Lăng-già trong kinh đó là không đúng.

Luận: “Như biển gặp duyên gió”, đến “hiện tiền tác dụng chuyển”.

Thuật rằng: Chỗ nói riêng của bài tụng, y theo lý có thể biết, không nhọc giải thích riêng. Nhưng tướng thuộc pháp dụ trong bài tụng này thì tùy theo văn có thể hiểu. Nhưng cảnh bị gió thổi động, đó là tự cảnh của Thức thứ tám không huân tập thành chũng tử, không thể kích phát tàng thức, mà là cảnh của Thức thứ bảy, Tướng phần huân chũng. Lại nói đặng, là chẳng phải chỉ có Sở duyên duyên kích phát, cũng làm tăng thượng chũng tử nhân duyên Kiến phần của Thức thứ bảy, chỗ kích phát của Đẳng vô gián ở trước. Hoặc tự cảnh giới tuy chẳng phải năng huân, vì cần thọ dụng cũng nói là bản thức sinh, do đó nói là cảnh. Đây là chỗ kích phát gần gũi. Như tự Đẳng vô gián tuy không huân chũng nhưng cũng kích phát sinh, cho nên trong pháp nói là hằng khởi các sóng thức, tức là trong dụ nói không có lúc nào dứt quăng, cũng là nghĩa hằng. “Hiện tiền tác dụng chuyển”, nói rằng công năng sinh Thức thứ bảy là “tác dụng hiện tiền”.

Luận: “Các thức như nhân v.v...”, đến “tánh của Thức thứ tám”.

Thuật rằng: Đây là tổng kết thành thức có tác dụng. Các Chuyển thức như nhân... không giống như biển, văn rất dễ hiểu.

Luận: “Đây đồng với vô lượng”, đến “Thức thứ tám này”.

Thuật rằng: Các kinh Đại thừa, như Luận Hiển Dương quyển 1 có dẫn kinh rằng: “Vô minh, phú, ái, kết trói buộc ngu phu cảm được bản thân có thức v.v...”. Lại như năm chũng tử, cho đến gọi hữu thủ thức v.v... đều là sở đặng. Từ trên đến đây dẫn chung kinh Đại thừa làm chứng đã xong. Dưới đây là người ngoài cho kinh là bất định, không thừa nhận là chí giáo. Từ đây trở xuống lấy tỷ lượng làm thành Đại thừa là lời Phật nói. Phần hai dẫn Luận Trang Nghiêm thành lập là lời Phật nói.

Luận: “Các kinh Đại thừa”, đến “thuộc về chí giáo lượng”.

Thuật rằng: Nói chí giáo là trung thành với lý, chân thật với giáo,

cho nên các Luận không có lỗi bất định. Hoặc thành lời Phật tức là bốn nhân ban đầu thêm chữ nhiếp của Khế kinh, nếu không như thế thì bốn nhân đều có lỗi bất định. Luận Lục Túc tuy thuận với vô ngã, nhưng chẳng phải lời Phật nói. Trong lượng có năm nhân, hai câu làm một nhân và câu cuối cùng “ưa thích Đại thừa” là thừa nhận có thể hiển bày Khế kinh nhiếp lý vô điên đảo, là thứ năm. Phần đầu nói các kinh Đại thừa, phần cuối nói thuộc chí giáo lượng là tông, giữa là nhân, như dụ của Tăng Nhất, nhưng bốn nhân đầu có tùy theo một lỗi, vì họ không thừa nhận đây thuận với vô ngã. Lại, nếu lấy Khế kinh làm chí giáo lượng thì có lỗi bất định. Các Luận Đại thừa đều thuận với vô ngã, trái với Sở thủ thú, lẽ nào thuộc về chí giáo lượng, cho là bất định, vì nó chẳng phải chí giáo. Y theo nhân thứ năm có sự phân biệt, tự thừa nhận có thể hiển bày thuộc Khế kinh lý vô điên đảo, để phân biệt với bất cực thành. Nhưng tự nó cũng thừa nhận Tăng Nhất chí giáo lượng. Bốn chủng nhân trước đều lấy nhân thành lập cuối cùng để được làm nhân. Nhân đã thành rồi thì chung và có riêng mười tỷ lượng. Bốn nhân trước làm tông có bốn thứ, đều lấy sự thừa nhận có thể hiển bày các thứ làm nhân. Lại, lấy các kinh Đại thừa mà chí giáo lượng xếp làm tông, hai đôi làm một nhân, mỗi nhân đều thêm chữ “cho nên” của câu “người ưa thích Đại thừa đều thừa nhận thuộc Khế kinh”. Nhân đã có năm, hợp chung với trước là chín. Lại gồm lấy bốn đôi ở giữa làm tông, chỉ lấy thừa nhận có thể hiển bày làm nhân, vả lại lược bớt mà nói nên có mười thứ, hoặc hai, ba hợp chung lại tùy theo nghĩa nên biết. Nhưng Nhiếp Đại Thừa ghi: “Các kinh Đại thừa đều là lời Phật nói, tất cả đều không trái với Bồ-đặc-già-la vô ngã tánh. Như Tăng Nhất nói, đây là đối với Tiểu thừa có bất cứ một lỗi nào. Nếu thừa nhận không trái với Bồ-đặc-già-la vô ngã thì liền cùng thừa nhận Phát Trí v.v... làm bất định, cũng không trái với nhân vô ngã. Các sư đối với vấn đề này chưa thể hiểu rõ được, nhưng có đại danh cư sĩ đức trọng trí cao, nổi tiếng một thời, là bậc anh tài, người thời đó không dám bác bỏ tôn đức của vị đó. Nói Bảo-bạt-ca, Hán dịch là Thực ấp, vì học nghiệp của họ có thừa các lý coi như Thực ấp, tức là Luận sư Thắng Quân, trên bốn mươi năm năm thành lập Nhất lượng, nói: “Các kinh Đại thừa đều là Phật nói, là tông; cả hai đều là cực thành, chẳng phải không thuộc lời Phật, là nhân; như bốn bộ A-hàm, là dụ”, ghi chú trong giải thích Duy thức quyết trạch, thời thế lưu hành lâu, thầy tôi đến đó hỏi rằng: “Điều này cũng không đúng, vả lại Luận Phát Trí cũng cực thành không thuộc chẳng phải lời Phật”. Tông kia tự thừa nhận đúng là lời Phật, tuy bậc Thánh biên tập

thì vốn là Phật nói, nhưng cũng là ngoại đạo và Đại thừa của các ông, cả hai đều cực thành, chẳng phải không thuộc lời Phật. Không giống như Tăng Nhất, hoặc lấy Phát Trí làm tông, nhân thì phạm vào cả hai đều bất thành, tông thì phạm lỗi trái với giáo, không lấy làm tông, nên biết nhân này tự bất định, vì như Phát Trí, cả hai đều cực thành, chẳng phải không thuộc lời Phật”. Đại thừa giáo của ông như tự chỗ thừa nhận Phát Trí chẳng phải lời Phật nói hay sao? Vì như Tăng Nhất v.v..., cả hai đều cực thành, chẳng phải không thuộc lời Phật. Đại thừa là lời Phật nói phải chăng? Hoặc nói thẳng như Phát Trí cực thành thì chẳng phải không thuộc lời Phật. Tiểu thừa thì trái với tự tông, vì tự thừa nhận là lời Phật, cho nên nay lẽ ra nói, ông tự thừa nhận Phát Trí cực thành, chẳng phải không thuộc lời Phật. Đại thừa kia chẳng phải là lời Phật hay sao? Vì có tự, có tha trong bất định và cả hai đều có lỗi, đây là phạm lỗi tự. Do lý này cho nên sửa đúng kia rằng: “Tự thừa nhận cực thành, chẳng phải không thuộc lời Phật nói, cho nên phân biệt với sáu túc kia v.v... chẳng tự thừa nhận”, tức là không có lỗi trước.

Luận: “Lại, thánh Từ Thị”, đến “thật là Phật nói”.

Thuật rằng: Từ đây trở xuống là phần thứ hai, dẫn Luận Trang Nghiêm làm chứng. Nhưng Luận Hiển Dương quyển 20 có mười nhân chứng minh Đại thừa là Phật nói, Đại Thắng cùng bảy nhân này có chút khác nhau, mỗi mỗi đều như Luận kia nói, trong đây đối dẫn. Nhưng văn của bài tụng Luận Trang Nghiêm chỗ nói càng ân cần, văn xuôi do Thế Thân giải thích, người xưa không biết đều cho là Thiên Thân tạo là sai. Tiếng Phạm là Mai-đát-lợi-da, Hán dịch là Từ Thị. Mai-đát-la-duệ-ni, đây là tiếng đọc trại, là một họ trong mười tám họ của Bà-la-môn. Thị là tộc họ, quá khứ và hiện tại đều sinh ở nhà chủng tánh này cho nên lấy làm hiệu. Nay Luận Trang Nghiêm nói có tám nhân, theo sự xem xét bản tiếng Phạm thì chỉ có bảy chủng loại. Trong đây thứ năm là nhân hữu vô hữu, Luận kia tách riêng ra làm tám nhân, vốn nó hợp chung lại làm một. Văn xuôi có bảy chữ “cho nên” đều là văn của họ, còn lại đều là Luận này nói.

Luận: “Một là trước không ghi”, đến “trước được thọ ký”.

Thuật rằng: Là người Tiểu thừa nói: “Kinh Đại thừa là chỗ nói hoại chánh pháp”, nếu thế thì vì sao Thế Tôn không thọ ký trước? Như sẽ có chuyện đáng sợ thì đều có thọ ký trước, như chia ra mười tám bộ diệt chánh pháp v.v... Luận Trang Nghiêm ghi: “Một là không ghi”, không có chữ “trước”. Hiển Dương đồng với ở đây, lẽ ra lập lượng rằng: “Các kinh Đại thừa nói nếu hoại chánh pháp thì trước Phật sẽ thọ ký

là tông, ông nói trong pháp của mình là chỗ khởi của người rộng hoại chánh pháp, là nhân, như sự chánh pháp diệt, là dụ”. Chỗ đáng sợ khác là kinh Chánh Pháp Diệt ghi: “Nước Chiêm-ba-la, trong thành ấp có các tỳ-kheo, diệt chánh pháp của Ta, làm các việc đáng sợ”. Lại chia làm mười tám bộ, trong đây lẽ ra có vấn nạn lỗi bất định, các Tiểu thừa ngoại đạo sau đó soạn các Luận, tuy Phật không ghi nhưng họ cũng nói người hoại chánh pháp, ngoại đạo chẳng phải trong pháp của mình, Tiểu thừa thì chẳng phải nói là chỗ rộng hoại chánh pháp, không có lỗi bất định. Lại nữa, các kinh Đại thừa nhất định chẳng phải chỗ nói tự bên trong pháp rộng hoại chánh pháp, vì Phật trước đã không có thọ ký rõ ràng, như kinh Tăng Nhất v.v... Như Tiểu thừa soạn các Luận hủy báng Đại thừa, tuy Phật không thọ ký, chẳng phải rộng hoại chánh pháp mà nói, vì như ghẻ lở. Dưới đây cùng với trên ngăn ác kiến, mỗi mỗi đều có bảy tỷ lượng, trong Luận kia nói rộng, những người Tiểu thừa nói: “Phật không có công dụng xả cho nên không nói, là Phật không khởi ý quán, không thọ ký sau này có người Đại thừa đối với họ lại nói”. Phật có ba nhân nên không nói:

1. Không có trí công dụng hằng khởi hiện ở trước mắt, tức là chỗ thấy của tuệ nhân và thiên nhân.

2. Hằng khởi chánh cần giữ gìn chánh pháp.

3. Biết trí vị lai không có chướng ngại.

Như các việc đáng sợ khác vì sao không ghi báo trước. Luận kia tuy không có văn truyền lại các câu hỏi của Tiểu thừa, nhưng Phật cũng thọ ký rồi, như kinh ghi: “Giòi trong thân sư tử, tự ăn thịt nó”, tức là trụ bên trong pháp, tự nói Đại thừa làm mê loạn chánh pháp, lẽ nào chẳng phải giòi trong thân sư tử tự ăn thịt nó hay sao! Hiện tại Luận này lẽ ra hỏi rằng: Thế Tôn vì sao không thọ ký trước rõ ràng, sau khi Ta diệt độ có Tỳ-kheo nọ v.v... nói hoại chánh pháp mà gọi là Đại thừa. Ban đầu nói chung là tự ăn thịt nó, lẽ ra lập lượng rằng: “Dạy cho giòi trong thân sư tử tự ăn thịt nó, chẳng phải sự thọ ký của ta, vì không ghi rõ ràng, như ghi dạy con lừa của ông đội lột sư tử. Nghĩa này lẽ nào biết chẳng phải thọ ký cho ông, trách báng Đại thừa, gọi là tự ăn thịt mình. Lại, ông chẳng phải ta, ta chẳng phải ông, ông tự ăn thịt mình”.

Luận: “Hai là vốn đồng hành”, đến “riêng chẳng phải Phật nói”.

Thuật rằng: Luận Trang Nghiêm nói là đồng hành, là đồng thời cùng lưu hành. Nếu thừa nhận câu hỏi trước là sau khi Phật diệt độ mới tạo ra Đại thừa thì vì sao cùng với giáo của Tiểu thừa các ông đồng thời lưu hành? Lượng rằng: “Các kinh Đại thừa, khi Phật diệt độ thì lưu hành

ngay, vì thừa nhận nói về lý vô ngã thuộc Khế kinh, như kinh Tăng Nhất v.v...”. Nhưng thành Phật nói các kinh Đại thừa thì đúng là Phật nói, vì thừa nhận Phật diệt độ vốn xưa nay đồng thời lưu hành, như Tăng Nhất. Lại, kinh Tiểu thừa lẽ ra chẳng phải Phật nói, vì vốn đồng thời lưu hành với Đại thừa, như ông thừa nhận kinh Đại thừa, tuy trái với tự tông của Đại thừa, vì thừa nhận kinh kia là lời Phật nói. Nhưng bị nghĩa ép ngặt nên thành lỗi trái nhau như thế. Vì sao riêng Đại thừa không phải là lời Phật? Còn Tiểu thừa giáo là lời Phật hay sao? Họ thừa nhận Đại thừa đồng thời cùng có, không cần phải thành lập sau khi Phật diệt độ mới lưu hành ngay.

Hỏi: Là lời Phật thì vì sao Thanh văn v.v... không tin ưa, không nghe nói? Luận kia không giải thích rộng.

Luận: “Ba là chẳng phải cảnh khác”, đến “chẳng phải không phải Phật nói”.

Thuật rằng: Luận Trang Nghiêm nói bất hành, là Thanh văn không thể hành. Giáo lý Đại thừa rộng lớn sâu xa, ngoại đạo và Tiểu thừa nghĩ bàn không tới cho nên không vì đó nói. Trong kinh Luận kia từng có điều chưa nói. Nếu vì họ mà nói thì họ cũng không tin nhận, vì căn khí nhỏ, chẳng phải cảnh của họ, như bài tụng trong thức A-đà-na, lẽ ra lập lượng rằng: “Kinh Đại thừa là lời Phật, vì chẳng phải cảnh của ngoại đạo khác mà thuộc về Khế kinh, như Tăng Nhất v.v...”. Không tin thuộc Khế kinh tức là Đại thừa Luận thành lỗi bất định. Lại nữa, thức A-đà-na trước đã thành có, cho nên nay làm lượng. Trừ giáo của thức kia ngoài các kinh Đại thừa đều là Phật nói, vì thừa nhận chỗ không nghe không tin thuộc Khế kinh của các Thanh văn, như giáo của thức A-đà-na. Lại, Luận kia ghi: “Có năm nhân, họ suy nghĩ con người không được nhập cảnh giới Đại thừa:

1. Hữu y, là trí nương giáo sinh, chẳng phải chứng trí.
2. Bất định, vì có thời gian, có nơi chốn, có trí khác sinh.
3. DUYÊN TỤC, suy nghĩ thế đế không bằng Đệ nhất nghĩa đế.
4. Bất phổ, tuy duyên thế đế nhưng chỉ hiểu chút ít, không hiểu tất cả.
5. Thoái khuất, tranh Luận nói rõ tận cùng tức là im lặng”.

Trí Đại thừa không nương theo trí hữu chứng, cho đến cuối cùng không có thoái lui chiết phục, cho nên lý của kinh Đại thừa suy nghĩ cảnh của con người, họ cho rằng suy nghĩ con người tức là Thanh văn và ngoại đạo. Nhưng họ lại nói: “Ba nhân trước lập ra Đại thừa tuy là Phật nói, nhưng nay Đức Thích-ca Như Lai không nói pháp này”.

Luận: “Bốn là lẽ ra cực thành”, đến “lý đó cực thành”.

Thuật rằng: Nếu nói Đại thừa là lời của các Phật khác như Ca-diếp v.v..., không phải lời của Thích-ca thì cực thành thừa nhận Đại thừa là Phật nói, nay Phật cũng phải nói Đại thừa này, vì trí Phật, như chư Phật Ca-diếp v.v... Vì sao cho rằng Đại thừa chẳng phải Phật nói, đảo ngược lại làm trái với chính mình? Văn kia nói rộng về hỏi đáp. Lại, nếu ông thừa nhận là Phật nói hay chẳng phải Phật nói đều có lỗi.

Luận: “Năm là hữu và vô hữu”, đến “vì không thật có”.

Thuật rằng: Luận Trang Nghiêm nói thể thứ năm và phi thể thứ sáu hợp chung làm một. Luận kia nói hữu thể, hoặc ông nói ngoài Phật ra có thể Đại thừa, Phật này không có thể Đại thừa, cũng thành nghĩa của ngã, Đại thừa thì không khác, vì thể là một. Phi thể, hoặc ông nói Phật này không có thể Đại thừa, tức là Thanh văn thừa cũng không có tự thể. Hoặc nói Thanh văn thừa là Phật nói có tự thể. Đại thừa không như thế, không có người Phật thừa, vì có Phật ra đời nói Thanh văn thừa là có lỗi lớn, có chút ít khác với Luận này. Ý này cũng cho rằng Phật khác có thể của Đại thừa, Phật này thì không có thể của Đại thừa. Người nào ra đời nói Thanh văn thừa v.v... đồng như trước. Lại, Phật này có riêng thể của Đại thừa, tức là nghĩa lý của giáo này giải thích. Luận kia không có nghĩa này, lại chẳng phải chỉ có thể, hoặc giáo, hoặc lý, hoặc hạnh, hoặc sự, đều là nghĩa này, cho nên phải nói chung. Chỗ nào nhiếp giáo? Đại thừa lấy gì làm thể? Trí kia làm thể thì có nghĩa câu thúc. Nói rằng thừa nhận có Đại thừa giáo, không hỏi Phật của tự hay tha, tức là chỗ Luận này nói, vì lìa chỗ nói này thì Đại thừa không có. Lượng rằng: “Các Đại thừa thể quyết định lấy giáo này mà lam năng thuyên, vì thừa nhận năng hiển bày kia lý thâm diệu, như giáo của Tăng Nhất.

Luận: “Hoặc không có Đại thừa”, đến “chẳng phải chánh lý”.

Thuật rằng: Nếu không có thể Đại thừa thì Thanh văn giáo lẽ ra cũng không có, vì không có năng thuyên Phật giáo và sở thuyên Phật hạnh thì nương vào ai thành Phật để nói Thanh văn thừa. Phật lẽ ra có riêng thừa giáo, vì thuộc ba Thừa, hoặc quả riêng, hoặc giữa Phật và Thanh văn tùy nhiếp một. Như Nhị thừa còn lại, nếu nói là Phật thừa Tăng Nhất thì đáng lẽ quả Phật tức là Thanh văn. Đáng lẽ Phật tức là Thanh văn, vì thừa nhận giáo năng thuyên là một, như Thanh văn. Lại, ép ngặt mà nói, Thanh văn thừa của ông lẽ ra cũng không có, vì thuộc ba Thừa, như Phật thừa của ông. Luận kia nói trong phần Luận rộng, hoặc ông nói có tự thể, tức là Thanh văn thừa là thể của Đại thừa, vì thừa này đắc Đại Bồ-đề. Có bốn nhân duyên chẳng phải lấy Thanh văn

thừa làm thể Đại thừa:

1. Chẳng phải hoàn toàn, vì Thanh văn chỉ tự lợi mà không lợi tha.

2. Chẳng phải không trái nhau, có nói pháp giáo tự lợi đối với tha tức là lợi tha, là không đúng. Tuy lấy tự lợi để an ủy tha, vì kia tự cầu Niết-bàn không thể lấy điều này mà đắc Đại Bồ-đề.

3. Chẳng phải hành, có nói nếu thực hành lâu hạnh Thanh văn thừa thì đắc Đại Bồ-đề, là không đúng. Thanh văn thừa chẳng phải phương tiện của Đại Bồ-đề, chẳng phải thực hành phi phương tiện lâu mà đắc Đại Bồ-đề, như vắt sừng trâu không ra sữa.

4. Chẳng phải giáo thọ, Đại thừa giáo thọ Thanh văn thừa là không có, vì Thanh văn thừa không phải tức là Đại thừa.

Lại vì có năm nhân nên Đại thừa trái với Thanh văn:

1. Phát tâm khác nhau.

2. Giáo thọ khác nhau.

3. Phương tiện khác nhau, đều là tự đắc Niết-bàn.

4. Trụ trì khác nhau, vì phước và trí tuệ hội ít.

5. Thời tiết khác nhau, vì hai đời được giải thoát.

Đại thừa thì trái lại những điều này, cho nên chẳng phải tức là Thanh văn thừa. Có chỗ nói Đại thừa nương hạnh vô quả chẳng phải Phật nói.

Luận: “Sáu là có thể đối trị”, đến “là lời Phật nói”.

Thuật rằng: Luận Trang Nghiêm ghi: “Khi bảy năng trì riêng tu hành thì đắc trí vô phân biệt, đối trị tất cả phiền não, đây là ba Thừa thông với chỗ đoạn. Nếu cầu Phật trước phải dứt pháp chấp, chấp các pháp phân biệt là trái với trí này. Học chỗ trị vô tướng pháp sót lại pháp này, ý của Hiền Dương đồng với Luận này. Lượng rằng: “Đại thừa là Phật nói, vì thừa nhận có đối trị chân đạo Vô lậu, như Tăng Nhất v.v... Hoặc có chỗ nói Đại thừa chẳng phải Phật nói, vì nói các pháp không.”

Luận: “Bảy là nghĩa khác với văn”, đến “cho rằng chẳng phải lời Phật”.

Thuật rằng: Đại thừa ý sâu, không thể theo văn mà chấp lấy nghĩa của nó, nên liền sinh phỉ báng. Trong giải thích rộng Luận kia nói, nếu ông cho rằng lời Phật có ba tướng, nhập Tu-đa-la hiển bày Tỳ-ni chẳng trái với Pháp không, tất cả pháp Đại thừa của ông không có tự tánh mà làm giáo thọ, trái với ba lý này cho nên chẳng phải lời Phật, nay không trái với ba tướng cho nên là lời Phật. Nhập vào tự Đại thừa Tu-đa-la, vì hiện tự phiền não Tỳ-ni, Bồ-tát cho phân biệt là phiền não. Rộng lớn rất

sâu tức là Bồ-tát Pháp không, chẳng trái với không này thì đắc Đại Bồ-đề. Lượng rằng: “Đại thừa là lời nói của Phật, thừa nhận lý sâu, nghĩa khác với văn, vì thuộc Khế kinh, như các câu nói giết hại cha mẹ, kinh A-hàm kia cũng lấy làm nghĩa khác với văn, nghĩa là cho giác không kiên cố làm kiên cố, tham ái là mẹ.

Luận: “Do đó Đại thừa đúng là Phật nói”.

Thuật rằng: Tổng kết các điều đó.

Luận: “Như Luận Trang Nghiêm”, đến “đối trị văn khác”.

Thuật rằng: Tự dẫn trong bài tụng, chữ “cho nên” cuối cùng làm chung cho nhân trên, nhưng Luận kia quyển 1 phẩm 2 ghi: “Trước lược thành tám nhân, sau rộng làm tế nhị, mỗi nhân đều có phân biệt, tinh tấn lớn của tâm”. Lẽ ra nói Luận trang nghiêm kinh Đại thừa là kinh khéo làm trang nghiêm Đại Thừa. Trước nói rằng Luận Đại Thừa trang nghiêm kinh là không đúng, vì không có kinh Đại Thừa trang nghiêm, chánh dẫn kinh Đại thừa không cùng thừa nhận và làm các lượng rộng thành lập đã xong.

Luận: “Trong các bộ kinh khác”, đến “có tự tánh riêng”.

Thuật rằng: Dưới đây là dẫn cộng giáo. Phần đầu là chung, phần kế là riêng. Đây tức là chung. Dẫn kinh Thanh văn thừa dùng mật ý nói thức này, như Nhiếp Luận quyển 2. Trong riêng dưới đây có bốn bộ riêng, văn thì có bốn.

Luận: “Nói rằng Đại chúng bộ”, đến “có nghĩa như vậy”.

Thuật rằng: Nhiếp Luận cũng đồng, Ma-ha-tăng-kỳ dịch là Đại chúng bộ, giải thích tên gọi bộ này như Tông Luân ký. Cái gọi là thức căn bản trong bộ này, là sở y chỉ của các thức, chẳng phải sáu Chuyển thức được gọi là căn bản, vì không thể phát khởi sáu Chuyển thức, thí dụ đó rất dễ hiểu. A-cấp-ma, Hán dịch là Giáo, vì xoay vần truyền bá giảng nói nên gọi là truyền, chỉ có Thức thứ tám mới có nghĩa như vậy. Kết dụ rất dễ hiểu.

Luận: “Thượng tọa bộ kinh”, đến “làm ba hữu nhân”.

Thuật rằng: Phân Biệt Luận, xưa gọi là Phân biệt thuyết bộ, nay là Thuyết giả bộ. Nói hữu phân thức, thể thì thường không đoạn, trùm khắp ba cõi làm ba hữu nhân, sáu thức còn lại thì gián đoạn, vì có mà không khắp, cho nên chẳng phải hữu phân. Nhiếp Luận của Thế Thân không có văn này, chỉ có giải thích Vô Tánh có chín tâm luân, đây là thức A-lại-da. Chín tâm là:

1. Hữu phân.
2. Năng dẫn phát.

3. Kiến.
4. Đẳng tìm cầu.
5. Đẳng quán triệt.
6. An lập.
7. Thế dụng.
8. Biến duyên.
9. Hữu phân tâm.

Ngoài ra như Xu Yếu giải thích.

Luận: “Hóa địa bộ nói”, đến “gọi là cùng sinh tử uẩn”.

Thuật rằng: Quốc chủ trong loài người cai quản đất đai và quản lý con người, xả vị xuất gia nhân đó làm bộ chủ gọi là Hóa địa bộ. Nói rằng cõi Vô sắc không có sắc, không có tâm vô của cõi trời Vô tưởng v.v..., thể của bất tương ứng hành không có, ngoài ra không thể gọi là cùng sinh tử uẩn, Thức thứ tám có thể như thế, các vị đều có. Vô Tánh giải thích: Bộ kia có ba uẩn:

1. Một niệm uẩn gọi là pháp sát-na sinh diệt.
2. Một thời kỳ sinh uẩn, nói rằng cho đến tử hằng tùy chuyển pháp, là các pháp như căn v.v...
3. Cùng sinh tử uẩn, cho đến Kim cương dụ định hằng tùy chuyển pháp.

Đối với ba loại uẩn kia lấy lập ba tên, trừ sắc và tâm thì như trước đã nói, là có gián đoạn chẳng phải cùng sinh tử, cho nên chỉ có Thức thứ tám là uẩn thứ ba, Thế Thân không có giải thích này.

Luận: “Thuyết nhất thiết hữu bộ”, đến “hỷ A-lại-da”.

Thuật rằng: Trong đó có ba đoạn:

1. Tựa kinh.
2. Giải thích nghĩa.
3. Tổng kết.

Đây là đoạn văn đầu. Từ đây trở xuống là giải thích nghĩa văn có ba đoạn:

1. Giải thích bốn tên kia, tức là Thức thứ tám.
2. Nói rằng sinh trở xuống, nêu bằng cứ ngoài ra không phải đây.
3. Dị sinh hữu học trở xuống, hiển bày lý khởi chỗ nhiễm ái là A-lại-da, điều nói trong đây tức là đoạn văn đầu.

Bốn bộ kinh A-hàm:

1. Tăng Nhất.
2. Trung.

3. Trường.

4. Tạp.

Nói từ một pháp cho đến trăm pháp gọi là Tăng Nhất, nghĩa không sơ lược không rộng lắm gọi là Trung, hoặc vẫn nói về sự nghĩa rộng gọi là Trường, nói tạp nhạp các việc gọi là Tạp. Trong Tăng Nhất gọi là A-lại-da.

Luận: “Nói là thức A-lại-da”, đến “đặt bốn tên”.

Thuật rằng: Bốn tên như Luận, là cảnh ba đời của tham chung và tham riêng. Vô tánh nói: “Ái là câu chung, ngoài ra ba đời hiện tại, quá khứ và vị lai, nói riêng như thứ lớp của ba đời”. Tánh này hằng thời rất mong mỏi cho nên từ lạc, hân và hỷ, đó là gọi chung A-lại-da. Thế Thân giải thích đồng như trước. Phần hai giải thích rằng đối với ái hiện tại, lạc quá khứ, do trước lạc cho nên sau đó trong đời này hân, vì hân cho nên vị lai hỷ. Nay chỉ nói chung cảnh ba đời của tham chung và tham riêng, chẳng phải chỉ có giải thích trước, cũng không có giải thích sau. Bốn thể tức là tham. Câu giải thích của Vô Tánh là cảnh chung và riêng của tham ba đời, như trước giải thích về thủ. Thế Thân sau đó nói là cảnh của ba đời tham, cho nên không chấp lấy câu nói chung và riêng.

Luận: “Hữu tình chấp làm”, đến “thật là chỗ ái nhiễm”.

Thuật rằng: Chấp làm nội ngã phân biệt với pháp ngã và tha ngã, đến tâm Kim cương thường hành không dứt. Thức A-lại-da là chỗ chân thật ái nhiễm. Bộ ấy chấp rằng: “Chấp ngoài uẩn chỉ là chỗ nhiễm của tham tức là A-lại-da”.

Luận: “Không nên chấp năm thủ uẩn khác”.

Thuật rằng: Nêu chung sinh trở xuống, không nên ngoài năm thủ uẩn mà chấp, chỉ khiến cho đối với thức A-lại-da kia mà chấp.

Luận: “Nói rằng sinh xưa nay”, đến “hưởng vui sướng”.

Thuật rằng: Từ đây trở xuống là phần thứ nhất, nêu lên những thứ khác chẳng phải ở đây, vẫn có bảy đoạn, bảy thứ lỗi là chỗ ái nhiễm. Chỗ khổ xưa nay tức là ba đường ác chỗ cực khổ. Thế Thân nói ba chỗ này đối với kia có khi chúng sinh là quả Đẳng lưu, nay nói chẳng là chẳng phải lạc, vì kia cực khổ, nhằm chán thân và tâm, nhớ ta lúc nào xả bỏ mạng này, bằng loại này, thân tâm này. Chúng đồng phần này tức là hành uẩn, vì nhằm chán chung năm uẩn.

Luận: “Năm dục cũng không đúng”, đến “mà ái ngã”.

Thuật rằng: Có nói năm dục cũng chẳng phải chân. Nói rằng hoặc phàm hoặc Thánh đã lìa cõi Dục vẫn còn ái ngã, như nghe tiếng sấm sét sinh tâm kinh sợ, đây là bất cực thành vì họ thừa nhận lìa dục không có

ngã. Đây là dùng lý ép ngặt như sự kinh sợ của Thanh văn. Nhiếp Luận kia y theo sự thừa nhận chung là có ngã mà nói, cho nên không nói là dục mà có ngã.

Luận: “Lạc ái cũng không đúng”, đến “mà ái ngã”.

Thuật rằng: Lạc thọ là ngã, chẳng phải là khổ và xả, không thuận với mình, không tăng thêm vui, kia chẳng phải là chỗ chân thật, là tính lự thứ ba, nhiễm cực chán lạc thọ, vì phạm Thánh đều có ngã. Thế Thân không giải thích. Vô Tánh nói: “Tham đồng thời với lạc thọ, là lạc và tham đều là chỗ nhiễm”. Lạc làm cho tham tăng thêm, đây là duyên chung, hoặc mỗi đều duyên riêng, là chỗ nhiễm này vì tâm duyên riêng, trong đây chỉ có lạc thọ, không có tham, tức là có duyên riêng, nhưng không chỉ duyên với tham.

Luận: “Thân kiến cũng chẳng phải”, đến “vì vẫn sinh ái”.

Thuật rằng: Có chấp ngã kiến là chỗ ái trước, kia chẳng phải là chỗ chân thật, trừ ra vô học, vì vô ngã. Nhiếp Luận không nói trừ, vì cực hành có ngã, chẳng phải hữu học. Phạm phu lia dục ít cũng có. Nay chỗ ép ngặt của lý, trình bày tông khiến cho có. Dưới đây trong thức cũng như thế, trừ hữu học và phạm phu tin vô ngã, hoặc chứng, hoặc tín, tuy đối với ngã kiến không nhiễm, nhưng đối với nội ngã cũng còn ái. Thân kiến chẳng phải chỗ nhiễm, tức là nhằm chán thân kiến lẽ ra không ái ngã.

Luận: “Các Chuyển thức v.v... không đúng”, đến “mà ái ngã”.

Thuật rằng: Chuyển thức cũng không đúng, trừ vô học ra, nói như trước. Ngoài ra hữu học và dị sinh cầu diệt tâm, tức là Vô tướng định và định diệt tận. Tuy chán Chuyển thức mà ái ngã, chín phẩm phi tướng và định hữu tướng khác đều là cực thành có ngã, nói các thức, có ý gồm cả tâm sở, tức là hoàn toàn thức, thọ và tướng uẩn, hành uẩn thì có ít phần. Trên là gồm chấp lấy uẩn, lạc thọ và ba thứ thân kiến trong riêng, trong Nhiếp Luận có, nhưng không có năm dục và ngăn riêng năm uẩn ở dưới. Trong thức này, hoặc khổ, hoặc xả đều là chỗ nhiễm. Trước chỉ nói lạc, đều là kiến thủ v.v... trong đây, trước chỉ nói thân kiến.

Luận: “Sắc thân cũng không đúng”, đến “mà ái ngã”.

Thuật rằng: Tức là năm căn phù căn trần v.v... Là sắc nhiễm sinh vô sắc vẫn do ái ngã, nếu chỉ nói năm dục, nói theo tại gia thì điều này chung cho xuất gia và ngoại đạo, tức là hoàn toàn sắc uẩn.

Luận: “Bất tương ưng hành”, đến “chỗ thật yêu thích”.

Thuật rằng: Vì không có thật thể, không nên đối với pháp vô thể mà sinh ái nhiễm. Không nói Vô vi vì nội đạo Tiểu thừa không chấp

là nhiễm xứ kia chẳng phải chỗ đấm nhiễm. Ngoại đạo nói: “Ngã là nhiễm xứ, ngã ái ngã”. Đã chẳng phải làm năng nhiễm xứ và sở nhiễm xứ, điều này tranh cãi với Tiểu thừa, A-lại-da không có ngăn chỗ yêu thích, trừ các sư của Độc tử bộ, các sư kia cũng như trước phá phi nhiễm xứ, vì chẳng phải Hữu vi, Vô vi. Từ trên đến đây chung và riêng đều phá xong. Phần thứ nhất trước là ngăn chung, phần thứ hai tùy ngăn tăng thêm so lường, phần thứ ba dưới là ngăn uẩn riêng, cho nên có chỗ như thế.

Luận: “Dị sinh hữu học”, đến “chỗ chân thật yêu mến”.

Thuật rằng: Dưới đây là phần thứ ba tổng kết hiển bày lý chỗ khởi ái nhiễm chắc chắn là Thức thứ tám. Dị sinh hữu học khi khởi ngã ái, tuy đối với các uẩn khác hoặc chung hoặc có riêng chấp hoặc không chấp khởi phân biệt ái. Trong thức này ngã ái mặc tình quyết định sinh khởi. Như trẻ con tuy không có phân biệt uẩn này uẩn kia, nhưng chắc chắn ái ngã, cho nên chỉ có thức này là chân thật yêu mến.

Luận: “Cho nên Luận kia nói”, đến “Thức A-lại-da này”.

Thuật rằng: Đây là tổng kết. Văn Nhiếp Luận có khác chút ít, đều giống như Luận kia sao chép lại.

Dẫn chứng Thức thứ tám gồm có hai phần. Dẫn chứng thứ nhất là kinh, tuy có tự thừa nhận và tha thừa nhận kinh riêng, chung là dẫn chứng thứ nhất minh liễu kinh. Từ đây trở xuống dẫn chứng thứ hai là kinh thừa nhận chung, văn chứa đựng kín đáo, y theo kinh mà bày lý, tức là lý chứng, nhưng tám chứng của Du-già, Hiển Dương và Đối Pháp chưa phải là thích ứng. Nhiếp Luận Vô Tánh của Thế Thân ba quyển vì sao mới là loại? Cho đến văn sau mỗi mỗi đều nêu ra tận lý và không hết lý. Trong dẫn lý chứng có ba đoạn: Phần đầu là kết thúc tiền sinh hậu để mở đầu cho bài Luận. Phần thứ hai là chánh dẫn kinh bày lý để làm chứng. Phần thứ ba là rộng làm chứng, về sau là tổng kết.

Luận: “Đã dẫn Thánh giáo thì phải hiển bày chánh lý”.

Thuật rằng: Tức là phần đầu. Kế là nương theo kinh dựa vào lý mỗi mỗi đều giải thích riêng, nêu chung mười chứng. Bài tụng chung thứ nhất nói: “Trì chủng và tâm Dị thực, thú sinh, hữu thọ và thức, sinh tử, duyên, y theo thực, diệt định thì tâm nhiễm tịnh”. Mỗi chứng đều có ba đoạn: Thứ nhất dẫn kinh không có thức này, mà nghĩa của kinh không thành, như trong đoạn thứ nhất này nói rằng Khế kinh nói trở xuống. Thứ hai là hiển bày riêng nghĩa của nó để nói trái lý không thành, như trong đó nói rằng các Chuyển thức đang trong diệt định trở xuống. Thứ ba là tổng kết trở về bản thức, nêu rõ nghĩa của người khác

không thành, như tâm cuối cùng trong đó tức là Thức thứ tám này. Sau đây phần nhiều mỗi mỗi đều có ba phần, cứ theo văn mà giải thích. Nhưng trong Thức thứ tám này chỉ có năm chứng, có thể đủ đối chứng rõ ràng. Không giải thích ba phần, dưới đây tự sẽ hiểu.

Luận: “Nói rằng Khế kinh nói”, đến “nên gọi là tâm”.

Thuật rằng: Thứ nhất dẫn kinh, không nêu ra đề mục của kinh, chỉ tùy theo giải thích. Pháp tạp nhiễm, tức là pháp Hữu lậu, đều là thiện và nhiễm. Pháp thanh tịnh, tức là pháp Vô lậu, đều là năm uẩn, hoặc thuận giải thoát phần đều gọi là thanh tịnh, vì thuận thanh tịnh. Trong phần vị có thanh tịnh Vô lậu chủng, đó là chỗ tập và khởi nên gọi là tâm, tức là chung với chỗ tập khởi của Hữu lậu và Vô lậu, hoặc chỗ tập khởi chủng tử của các pháp gọi là tâm. Tâm là chỗ tập khởi, là chỗ tập khởi chung của Hữu lậu và Vô lậu, hoặc chỗ tập khởi của chủng tử các pháp gọi là tâm. Tâm là chỗ tập khởi của các chủng tử như nghiệp thiện và Bất thiện, là nhân Dị thực. Chủng tử Vô ký là nhân duyên, tập khởi hiện thức, quả chỉ có Hữu lậu không có Vô lậu, vì Vô lậu không sinh thức này. Thức Vô lậu là Vô lậu tập khởi. Đây là dẫn kinh.

Luận: “Nếu không có thức này”, đến “vì không nên có”.

Thuật rằng: Không có Thức thứ tám, như trì chủng tâm của Kinh bộ lẽ ra không có, tức là không có lý thông thoáng của thức này, kinh trước tùy theo các bộ giải thích. Tuy dưới đây có phân biệt, nhưng trong đó trình bày chung các bộ giải thích kinh này, dưới đây mới lần lượt hỏi riêng, nói rằng Kinh bộ mạnh hơn trong các bộ, cho nên phải phá trước hết, kể là đoạn văn thứ hai.

Luận: “Nói rằng các Chuyển thức”, đến “có gián đoạn”.

Thuật rằng: Từ đây trở xuống là phần thứ hai hiển bày riêng nghĩa đó để nói về trái lý không thành. Trong đó có năm: Phần đầu là phá Kinh bộ, trong phá có ba đoạn:

1. Phá năm uẩn thọ huân trì chủng.
2. Phá thức và loại.
3. Phá chung thức và loại trước sau huân tập lẫn nhau.

Trong phần phá năm uẩn thọ huân trì chủng có ba đoạn:

1. Chánh phá sáu thức.
2. Phá sắc và bất tương ưng hành.
3. Phá tâm sở.

Trong chánh phá sáu thức lại có hai đoạn

1. Phá trái với giáo.
2. Phá trái với lý.

Trái với giáo có hai đoạn

1. Phá tha.
2. Bày tự.

Sư của Thí dụ Bộ tức là Kinh bộ, như quyển 51 và Đối Pháp, trong phần giải thích nghĩa của chủng tử nói: “Lại, tâm nối tiếp thời gian lâu và gián đoạn, không nên lưu chuyển lâu mà không ngừng, là vì Chuyển thức có gián đoạn, không thể trì chủng thọ huân. Nói về kiên tánh là có thể trì chủng. Nếu thức không dứt chủng tử thì hằng tại. Thức đã dứt cho nên chủng tử cũng diệt theo. Các pháp sau khởi từ chủng tử nào sinh? Vì có gián đoạn cho nên không thể trì chủng. Nhưng họ chỉ nói thời gian dài diệt định v.v... thì không chấp lấy các pháp khác. Gián đoạn là Kinh bộ có năm vị, đó là ngũ ngũ vô tâm, muộn tuyệt, vô tướng, diệt định và vô tướng Dị thực. Trong Đại thừa thì qua đời và thọ sinh thuộc về muộn tuyệt. Trong các vị này Chuyển thức không hiện hành, chỉ có Thức thứ tám mới nối tiếp không dứt đoạn. Trong đây trở xuống, là nói “các thức”, phần nhiều là gồm luôn tâm sở, vì nói vua là chấp lấy cả các quan. Hoặc từ “bất thủ” trở xuống, là tự giải thích riêng pháp tâm sở. Nhưng trong đây thí dụ điện chớp v.v..., một dụ chung cả ba nhân, nói rằng sáu Chuyển thức không thể thọ huân, vì có gián đoạn, như điện chớp. Như dưới đây nói, một chẳng thể thọ huân, hai không thể trì chủng, ba chẳng phải tâm do chủng tử nhiễm và tịnh tập khởi, đây đều là pháp, vì một nhân này có cả lượng của ba tông, đây đều là ngăn lượng. Nếu mỗi thức đều tự huân, hoặc huân lẫn nhau thì đều thuộc trong này.

Luận: “Căn, cảnh và tác ý”, đến “dễ thoát khởi”.

Thuật rằng: Sáu thức của Kinh bộ không đồng thời có, phá Đại chúng bộ, nhưng Luận kia không có nghĩa huân tập. Nếu phá huân tập, lại cũng vì Kinh bộ có huân tập. Dù cho thừa nhận đồng thời, cũng không thành huân tập. Đây là phá Kinh bộ, dù cho sáu thức đồng thời có huân tập, là gốc của nghĩa đó thì Nhiếp Luận quyển 2 của Vô Tánh giải thích: “Nếu sáu Chuyển thức quyết định đồng thời có, cũng không nên là sở y, sở duyên và tác ý ba thứ đều khác nhau, vì mỗi thứ đều khác cho nên không có nghĩa tương ứng. Đây là vặn hỏi nghĩa đồng thời khởi thức huân tập. Nhiếp Luận của Thế Thân nói: “Lại có nghĩa khác nữa, nói rằng hành tướng cũng khác”. Đây là không thành nhân, căn của Thức thứ tám và Thức thứ sáu thừa nhận hành tướng riêng cũng khác. Lại, không có đồng dụ, nên chẳng phải là nhân cực thành. Ý của Vô Tánh cho rằng căn và cảnh v.v... quyết định khác nhau, chẳng nhất

định đồng thời nên không thành huân tập. Vì thế trong đây nói căn, cảnh, tác ý là ba sai biệt huân tập lẫn nhau. Lượng rằng: “Nhân... không thể làm chỗ huân tập của nhĩ, vì ba thứ căn, cảnh và tác ý nhất định đều khác”. Ở đây không có đồng dụ, nhưng dùng lý quả trách, khiến cho không được huân tập lẫn nhau, hoặc như sáu Chuyển thức của tự thân và tha thân, cho nên văn trong Luận nói: “Căn, cảnh và tác ý khởi theo loại và biệt”. Nếu không như thế thì ngôn thuyết này có tác dụng gì! Nhiếp Luận chỉ có một nhân trong đây. Trước giải thích nếu phá sáu thức đồng thời thọ huân của Kinh bộ, nay giải thích chỉ ngăn thể của sáu thức chẳng thọ huân. Vì ba thứ căn, cảnh và tác ý đều khác nhau, không phải trong từng sát-na đều đầy đủ, chẳng phải thức hằng khởi cho nên không có huân tập, không đồng với Vô Tánh. Giải thích trước tuy là gốc, không làm giải thích này, tự thành lỗi bất định, vì ba biệt của Thức thứ tám huân tập lẫn nhau. Lại, Thức thứ sáu và Thức thứ tám không phải một bề khác nhau, nương vào đó mà khởi cho nên thừa nhận tương ưng. Sáu thức chẳng phải như thế cho nên không tự có lỗi. Loại và biệt như thiện v.v... dễ thoát, dễ khởi. Trong Luận Du-già nói chủng tử có bốn vị: 1. Vị ba tánh thiện, đối khởi lẫn nhau. 2. Vị ba cõi, nói rằng hạ, trung và diệu giới tâm đối lẫn nhau mà khởi. 3. Vị Hữu lậu và Vô lậu đối lẫn nhau mà khởi. 4. Vị thế gian và xuất thế gian, đối lẫn nhau mà khởi. Nay Luận này lấy thiện làm đầu để chấp lấy vị kia, cho nên nói loại và biệt của thiện v.v... dễ thoát dễ khởi. Tông là như lượng ở trước, nhân nói rằng dễ thoát dễ khởi, dụ là như điện chớp. Đẳng thủ thanh (đồng chấp lấy âm thanh) v.v...

Luận: “Như điện chớp vì không đứng vững”.

Thuật rằng: Đây là đồng dụ và nhân thứ ba. “Vì không đứng vững” là nhân, “Như điện chớp là dụ”.

Luận: “Không thể huân tập”, đến “tâm là chỗ tập khởi”.

Thuật rằng: Pháp của ba tông dưới đây, nhân như trước nói nhân của ba chủng, hoặc mỗi nhân đều thành ba pháp, hoặc ba chủng nhân mỗi nhân đều thành riêng, thuận thứ, nghịch thứ, siêu gian, hợp nhị, y theo tác có thể biết. Hoặc cùng với loại và biệt của căn làm nhân, đã có đồng dụ, tức là nói loại và biệt làm nhân cũng thành. Đã có bốn nhân, đây là ngăn nghĩa sáu thức chẳng thể huân.

Luận: “Thức này một loại”, đến “chỗ nói nghĩa của tâm”.

Thuật rằng: Đây là hiển bày chánh nghĩa, thành tựu Thức thứ tám là có thể huân thức, vì lấy một loại, từ đầu đến cuối không có gián đoạn, như dầu mè đen v.v... Đẳng thủ y v.v... đồng chấp lấy chỗ nương,

đây không phải là dụ cực thành, cũng chẳng phải vô gián, nhưng từ sinh đến diệt không có gián đoạn, có chút ít đồng với Thức thứ tám, cho nên được lấy làm dụ, có thể nói là cực thành. Tỷ lượng trong đây như văn rất dễ biết. Nhân của một loại là phân biệt với nhân loại và biệt của thiện ở trước. Hằng vô gián đoạn là phân biệt năm vị gián đoạn của diệt định v.v... Nói kiên trụ là phân biệt với bất kiên trụ, vì căn, cảnh v.v... không thành lượng. Đây là không có chỗ ngăn, hoặc một loại mà nói thì nghĩa cũng gồm cả Luận kia. Trong đây pháp còn thiếu, chỉ có thể huân sơ lược không có trì chủng, vì dầu mè đen chẳng phải là tâm tập khởi. Hai lượng thành rồi mới thành lập tâm tập khởi, cho nên kế Luận nói: “Khế với chỗ nói nghĩa tâm của kinh kia”, đây là trái với kinh, chỉ có hai tông pháp: một là khả huân, hai là khế hợp với nghĩa tâm kia. Nhưng vì dầu mè đen có thể lấy làm huân tập, văn chỉ nêu rõ ra, còn nghĩa thì hợp chung rằng: Khế với chỗ nói nghĩa tâm của kinh kia. Dưới đây trong phần trái lý mới nói không thừa nhận có tâm trì chủng thì trái với chánh lý, nêu ra tông thứ ba, nhưng trong phần trái với kinh cũng được đủ cả ba. Trái với lý cũng vậy. Mỗi mỗi đều nêu ra nghĩa của dầu mè đen, nêu ra lẫn nhau không đủ là ý của văn này.

Luận: “Hoặc không thừa nhận có”, đến “trái với chánh lý”.

Thuật rằng: Đây là phần thứ hai trái với lý, nếu không thừa nhận có điều này thì lại trái với lý.

Từ trên đến đây y theo kinh mà bày lý, từ đây trở xuống, ngoài kinh phát sinh vấn nạn riêng.

Luận: “Nói rằng các chỗ khởi”, đến “luống uổng công lao”.

Thuật rằng: Dưới đây nêu ra lý riêng, khởi pháp nhiệm và pháp tịnh không huân thành chủng, chỗ khởi luống uổng không có kết quả. Đường là luống, quyên là bỏ. Sinh tử và Niết-bàn không do đoạn mà đắc, cho nên không có sinh tử cũng không có Niết-bàn.

Luận: “Khi nhiệm và tịnh khởi”, đến “thì chấp tự nhiên sinh”.

Thuật rằng: Hoặc hiện hành khởi không có chủng tử thì đồng với tự nhiên sinh của ngoại đạo. Chỉ lấy tự nhiên sinh làm nhân, không có nhân khác. Dưới đây trong pháp thứ mười cũng nói: “Không có sở huân, hoặc không có tự chủng thì giới và địa qua lại, các pháp nhiệm ô không có nhân mà sinh ra lỗi”. Nhưng Kinh bộ họ chấp sắc thọ huân và trì chủng. Như quyên 51 phần cuối bài tựa, hoặc tuy bất tương ứng kia thừa nhận là giả, Pháp không có tự thể. Đại chúng có bất tương ứng, nhưng không có huân tập. Nay đều lập ngăn, vì cũng có chỗ chấp.

Luận: “Sắc và bất tương ứng”, đến “lẽ nào năng trì chủng”.

Thuật rằng: Lượng nói: “Sắc bất tương ứng, lý chẳng phải chỗ huân của pháp bên trong nhiễm và tịnh, cũng không thể trì chủng. Hai tông trong đây, nhân nói rằng vì chẳng phải tánh của tâm, dụ nói rằng như âm thanh, ánh sáng v.v... Chỗ huân của pháp bên trong phân biệt với dấu mè đen, vì làm ngoại pháp huân tập, trong đây không cho kiên tánh là pháp. Nên biết tánh không kiên trụ, chẳng phải pháp của tông tức là nhân. Sắc phối chung và phối riêng với bất tương ứng, nhân và tông rất dễ hiểu.

Luận: “Lại nữa, kia là thức”, đến “nội chủng y chỉ”.

Thuật rằng: Sắc và bất tương ứng này, chẳng thể nói là nội chủng y chỉ, vì là thức này thì không có thật tánh, như lông rùa v.v... thể của sắc tức là tâm, chỉ tương ứng với tâm làm chỗ nương dựa của các chủng. Bất tương ứng giả nương tâm mà lập, cũng tương ứng với thật pháp làm chỗ nương cho chủng tử, trước đã thường ngăn cho nên không làm lượng, nhưng có thể nói khác.

Luận: “Chuyển thức tương ứng”, đến “cũng không thọ huân”.

Thuật rằng: Dưới đây phần thứ ba ngăn tâm sở, có tám tỷ lượng, bốn nhân, mỗi thứ đều thành hai tông pháp cho nên tùy theo chỗ tương ứng của nó. Lượng rằng: “Thức này không thể trì chủng, cũng không thọ huân, vì có gián đoạn, dễ thoát khỏi, như các thức trước”. Pháp ở sau khiến cho chung với lượng trước. Lại, tông cũng như trước, vì không tự tại, chẳng phải tánh của tâm, như điện chớp. Trong đây chỉ có dụ của hai nhân trước, trước đã ngăn tâm là khả huân rồi, cho nên được làm thí dụ. Hai nhân sau và dụ lược qua không nói, như trước đã nói, chẳng phải sáu thức là không tự tại, cho nên phải thí dụ riêng.

Luận: “Cho nên lý của tâm trì chủng lẽ ra có riêng”.

Thuật rằng: Đây là tổng kết. Nhưng vô tánh dưới đây chấp niệm trước huân niệm sau. Trên đã phá rằng: “Vì không đồng thời có, cho nên không có nghĩa tương ứng, như tâm trước sau của thân người và thân mình không thể thọ huân”. Tổng là nghĩa của Kinh bộ. Từ đây trở xuống trong phần thứ hai phá Kinh bộ ngăn thức và loại thọ huân. Luận kia y theo chỉ có thức trước huân thức sau. Thuyết này chấp thức và loại cũng như thế, cho nên trước và sau khác nhau. Tổng Kinh bộ chấp huân ở trên, dù cho sáu thức đồng thời có, trừ Thức thứ tám ra thì năm thủ uẩn đều như trước ngăn chẳng phải trì chủng, cho nên lý của tâm trì chủng lẽ ra có riêng. Điều này đồng với gốc chấp của Kinh bộ, sau đó có các sư khác của Kinh bộ phần thứ hai, trong đây có hai, phần đầu là nêu tông, phần sau là chánh phá.

Luận: “Có nói sáu thức”, đến “tánh của Thức thứ tám”.

Thuật rằng: Đây là nêu tông kia, là thức chuyển biến trong sát-na liền diệt, trên thức giả lập một loại bất biến, không có riêng trước và sau. Thức và loại là một, cho nên thức này có thể huân, cũng có thể trì chủng, thức đã bị ngăn cho nên chấp loại, nhân và loại đã thành thì đâu nhọc gì Thức thứ tám.

Luận: “Lời nói kia không có nghĩa”.

Thuật rằng: Sau đây phá có bốn. Phần đầu là Luận chủ phản đối.

Luận: “Vì sao?”

Thuật rằng: Kế là kia chất vấn ngược lại.

Luận: “Chấp loại là thật thì đồng với ngoại đạo”.

Thuật rằng: Trong phần thứ ba phá riêng có bốn đoạn:

1. Nêu giả thật.
2. Nêu thuộc về tánh nào.
3. Nêu gián đoạn.
4. Nêu loại đồng.

Phần đầu nêu có hai đoạn: một là thật, hai là giả. Đây là nêu về thật. Phê-thế-sử-ca-diếp thật có đồng và khác.

Luận: “Thừa nhận loại là giả”, đến “thật chủng của pháp bên trong”.

Thuật rằng: Đây là nói về giả, loại không thể trì thật chủng của pháp bên trong, vì thừa nhận không có thật, không có dụng cao siêu, như lông rùa v.v... Trong đây có hai nhân, một là giả, hai là không có dụng cao siêu, như bình, áo v.v... nhất định không thể trì chủng tử của pháp bên trong. Ngoại chủng có thể đứng, vì áo gai là giả thừa nhận có thể trì. Tông này nói loại là giả, nay Luận này nói thật là lập để ngăn. Như Nhiếp Luận gồm có hai thứ, một là thức loại, là dòng thức gia, hai là sát-na loại, tức là dòng vô thường. Cả hai đều là giả pháp, đây là nêu về giả và thật.

Luận: “Lại, chấp thức loại là thuộc về tánh nào?”

Thuật rằng: Kế là nêu ba tánh, hỏi chung là tánh nào?

Luận: “Hoặc là thiện hay ác”, đến “cũng như trạch diệt”.

Thuật rằng: Loại này lẽ ra không thọ huân, vì ông thừa nhận hữu ký, như trạch diệt. Tông trong đây lược qua, hoặc vặn hỏi không trì chủng thì sẽ trái với lỗi của tông, vì chẳng phải tự không thừa nhận kia.

Luận: “Hoặc là Vô ký”, đến “loại này nên dứt”.

Thuật rằng: Hoặc chỉ có Vô phú, khi tâm thiện hoặc ác thì đây là

nên dứt. Nghĩa này có ý nói, vì thừa nhận gián đoạn cho nên như thức tự chứng sự chẳng phải khả huân v.v..., trước đã phá rồi. Nhưng kia hoặc nói khi tâm thiện tâm ác thì loại này không đoạn, tánh là Vô ký. Có nghĩa của tánh kiên trụ và tánh Vô ký cho nên khả huân, nay Luận này phản đối.

Luận: “Không phải sự thiện ác”, đến “biệt sự tánh”.

Thuật rằng: Chẳng phải tánh loại của thức tự thể sự thiện ác thành Vô ký. Vì sao? Vì biệt loại chắc chắn đồng với biệt sự tánh, chẳng phải như Chúng đồng phần là chung loại, tánh kia khác với pháp tự thể sự. Đây là biệt pháp, biệt loại của pháp chỉ ở tại thức có không chung với pháp khác. Tuy không có đồng dụ, nhưng dùng lý trình bày. Luận kia nói thức và pháp đồng phần là thức Vô ký có cả ba tánh, loại này có thể đúng cho nên khả huân.

Luận: “Lại, vị vô tâm”, đến “trì chủng thọ huân”.

Thuật rằng: Dù cho giống với Vô ký, khác với tâm thiện v.v..., vì tâm này không đoạn cho nên có thể huân, như năm vị khi vô tâm thì loại này nhất định không có, vì là thức loại, như thức gián đoạn. Tánh chẳng phải kiên trụ, cho nên không thể chấp trì chủng và thọ huân. Nghĩa của hai tỷ lượng này y theo trước mà thành. Nhiếp Luận đồng.

Luận: “Lại, A-la-hán”, đến “thừa nhận liền có lỗi”.

Thuật rằng: Phần thứ tư nêu loại đồng, trong đó có hai đoạn:

1. Loại của phàm Thánh đồng.

2. Loại của căn và pháp đồng. Đây là phần đầu. Tâm của Thánh và dị sinh, vì thức loại đồng nên trước thành phàm phu, sau thành A-la-hán, hoặc là dị thân đều là loại đồng, lẽ ra huân tập lẫn nhau, các A-la-hán làm chỗ cho các nhiễm huân, dị sinh lẽ ra làm chỗ cho pháp Vô lậu huân, vì là thức loại, như tự mình làm dị sinh và tự mình làm Thánh. Thừa nhận thì liền có lỗi, vì không có phàm và Thánh.

Luận: “Lại, các căn như nhãn v.v...”, đến “thức loại thọ huân”.

Thuật rằng: Dưới đây nêu căn và pháp. Nói rằng các căn như nhãn v.v... các pháp khác và các thức như nhãn v.v... một là căn đồng, nhãn thức v.v... cũng là thứ lớp diệt căn nên gọi là ý căn. Hai là cùng với pháp khác loại đồng, vì nghĩa của pháp thông. Hoặc các pháp khác như tín v.v... đồng với nghĩa của các căn như nhãn v.v.... Pháp của nhãn căn v.v... cùng với pháp loại của phi căn pháp đồng, lẽ ra huân tập lẫn nhau. Nhưng ông không thừa nhận trái với tự tông, nghĩa tuy thông như vậy, vì họ vốn chấp thức loại thọ huân, tức là các căn như nhãn v.v... là thức căn loại, hoặc các pháp khác là thức pháp loại, lẽ ra huân tập lẫn

nhau, vì là loại của thức. Nhưng ông không thừa nhận bản ý này. Hoặc lấy nhân v.v... cùng với tín khác làm căn loại đồng thì khiến cho huân tập lẫn nhau, mất ý của tông kia. Pháp loại đồng này, Nhiếp Luận cũng không. Luận kia nói hoặc lẽ ra ý căn tạo thành tánh của sắc cùng loại đồng với nhân căn. Kinh thứ tư ghi: “Do đó không nên chấp thức loại thọ huân”.

Luận: “Lại, thân của sáu thức”, đến “thì phải đồng thời”.

Thuật rằng: Phần thứ ba phá chấp sự và loại huân tập cả hai. Theo Thế Thân thì trước huân sau, không nói loại chỉ chấp lấy thức, là sư của Thí dụ bộ, Vô Tánh cũng vậy, đều không có loại trước huân tập sau. Nay Luận này bày lập ngăn Kinh bộ, gồm phá các sư Thí dụ. Sư Thí dụ là các dị sư của Kinh bộ, tức là Luận sư của Nhật Xuất Luận, là gọi Kinh bộ. Ở đây có ba loại:

1. Căn bản tức là Cưu-ma-la-đa.

2. Thất-lợi-đa, tạo Tỳ-bà-sa của Kinh bộ, chỗ nói là Thượng tọa của Chánh Lý.

3. Chỉ gọi là Kinh bộ, vì sư căn bản soạn Luận Kết Man, từ chỗ nói mà đặt tên, thật ra đều là một thứ Kinh bộ.

Từ trên đến đây sự và loại đồng thời bị phá. Như cách nhiều niệ, cách nhiều niệ là họ chấp huân tập không xa, cho nên được làm thí dụ. Chỉ huân kế sau đó, lập ra ngăn thức huân loại, loại huân loại đều không thành lập, cho nên ngăn chung nói: “Chẳng phải huân lẫn nhau, vì năng huân và sở huân chắc hẳn là đồng thời”. Hiển bày nghĩa huân tập chẳng phải trước sau như cách niệ. Lại, văn này ngoài phá trước sau tâm khác tánh, hoặc sau là loại thiện ác cũng như thế, thế nào là trước huân sau, Vô ký sau có thể như thế? Vì trước Kinh bộ vốn chấp huân tập, lập ra sáu thức đồng thời chuyển, kế là nêu Đại chúng bộ, họ chấp chỉ có sáu Chuyển thức đồng thời không có huân tập, lập có nghĩa huân.

Luận: “Chấp chỉ có sáu thức”, đến “có nghĩa năng trì chủng”.

Thuật rằng: Đây đã là phá riêng, sáu thức của Đại chúng đồng thời chuyển, nên biết phần đầu phá là chỉ phá Kinh bộ. Nếu thành đồng thời chuyển thì câu hỏi chẳng phải thọ huân. Do trước phá Kinh bộ đồng thời sáu thức thọ huân. Sáu thức của Đại chúng bộ không có nghĩa trì chủng, đây là không lập giả loại thọ huân nên nói chỉ có sáu thức, không có trước huân sau nên nói chỉ có đồng thời chuyển.

Từ đây trở xuống là phần thứ ba phá Thượng tọa bộ. Vô Tánh quyển 3 ghi: “Kinh bộ sư tức là trong Thượng tọa bộ này, tự có lấy kinh

làm lượng nên gọi là Kinh bộ.

Luận: “Có chấp sắc tâm”, đến “làm chứng không thành”.

Thuật rằng: Trong đó có ba đoạn:

1. Nêu bày tông.
2. Nêu câu hỏi.
3. Phá chống chế.

Đây là phần thứ nhất. Nói rằng sắc đối với sắc, tâm đối với tâm, tự loại trước và sau, trước làm nhân của sau, nghĩa của nhân đã thành, nên trước là chỗ nói làm chứng cho Thức thứ tám có bất thành.

Luận: “Họ chấp phi lý không có huân tập”.

Thuật rằng: Kế là nêu câu hỏi có ba đoạn:

1. Phá không có huân tập.
2. Vặn hỏi không sinh sau.
3. Vặn hỏi không có uẩn sau, đây là phản đối chung.

Luận: “Nói rằng tự loại của họ”, đến “chứng tử trước làm chứng tử sau”.

Thuật rằng: Đã không có huân tập thì làm sao có chứng tử trước sau? Hoặc đã từng tự loại huân tập lẫn nhau, trong niệm trước có chứng tử sau. Chứng tử trước có thể sinh chứng tử sau, đã không có huân tập thì làm sao được làm nhân? Nhiếp Luận của Vô Tánh ghi: “Vì hai niệm không đồng thời có, cho nên không được huân tập, như trước đã phá. Lượng rằng: “Tâm trước không làm chứng tử cho tâm sau, vì không có huân tập, như ngôi, sỏi v.v...”

Luận: “Lại, gián đoạn lẽ ra không còn sinh”.

Thuật rằng: Đây là vấn nạn thứ hai. Nhiếp Luận ghi: “Nói rằng sinh vào cõi Vô sắc, sắc lâu thì bị đoạn, sau đó sinh xuống sắc cõi dưới thì lẽ ra không sinh, Luận kia nói quá khứ, hiện tại không có tự thể, các tâm như định diệt tận v.v... dứt cũng như thế, trước lâu đã không có, lẽ ra chẳng phải chứng tử sau, nhân thì không khắp”.

Luận: “Nhị thừa vô học”, đến “làm chứng tử sau”.

Thuật rằng: Đây là câu hỏi thứ ba. Sắc kia sinh, sắc tâm lại sinh tâm. Uẩn sau của Nhị thừa như các vị trước không có dứt hẳn, chỉ nói Nhị thừa phân biệt với tự tông, Phật không có việc này. Lượng rằng: “Cực thành tâm sau của Nhị thừa vô học không được nhập Niết-bàn, vì thừa nhận có thể làm nhân, như các giai vị trước. Câu nói cực thành là phân biệt với Phật là bất định, Luận kia là bất cực thành”.

Từ đây trở xuống các sư Kinh bộ, thấy Thượng tọa bộ bị câu hỏi này rồi bèn chuyển chấp, hoặc lập thuyết ngăn chống chế của Thượng

tọa bộ có huân tập. Giải thích trước là gốc, sợ rằng khi vô tâm thì tâm đoạn, trong sắc có chủng tử của tâm. Khi vô sắc thì sắc đoạn, trong tâm có chủng tử của sắc, lại hàm chứa thọ huân lẫn nhau nên không có lỗi, nay Luận này đoạn nhỏ thứ hai, Luận chủ phản đối.

Luận: “Cũng không nên chấp”, đến “trước đã ngăn rồi”.

Thuật rằng: Dưới đây là phá chuyển sang chống chế sắc tâm xoay vẫn làm chủng tử sinh khởi lẫn nhau. Sau vô sắc và vô tâm sinh khởi các sắc và các tâm không có lỗi. Chuyển thức và sắc chẳng phải sở huân tập, vì trước đã phá rồi. Chuyển thức không thọ huân, vì thừa nhận có gián đoạn. Sắc căn không thọ huân, vì thừa nhận chẳng phải tâm, đều như âm thanh, điện chớp, sao có thể làm chủng tử của các pháp? Như quyển 51 trình bày chấp. Dưới đây là phần thứ tư phá Nhất thiết hữu bộ, trong đó có hai đoạn:

1. Nêu bày tông.
2. Chánh phá.

Văn trong nêu bày tông có hai đoạn:

1. Chánh nêu bày.
2. Tổng hợp các điều trái ngược.

Luận: “Có nói ba đời”, đến “thức năng trì chủng”.

Thuật rằng: Trình bày chấp của tông kia, nhân chiêu cảm quả, quả có thể khởi nhân, tất cả đều là thành tựu, nhọc gì mà chấp riêng có thể của thức. Lại nói huân tập tức là song song chẳng phải nghĩa của các bộ trên và Đại thừa. Kế là kia tổng hợp các kinh.

Luận: “Nhưng kinh nói tâm”, đến “thế lực mạnh mẽ”.

Thuật rằng: Tâm mạnh mẽ thì hơn chẳng phải như sắc cho nên chỉ nói tâm, chẳng phải tâm trì chủng có thể thọ huân tập. Kinh bộ lấy sắc làm pháp trì chủng. Tâm loại cũng như thế. Nhưng nói đối với tâm vì tâm cao siêu. Đại chúng bộ và Thượng tọa bộ đều nói: “Tuy nói có sắc tâm, tâm có thể khởi sắc, cho nên chỉ nói tâm. Kế là Luận chủ phản đối tất cả lời nói.

Luận: “Luận kia nói phi lý”, đến “chẳng thật có”.

Thuật rằng: Quá khứ, vị lai chẳng thật có tự thể, chẳng phải thường Vô vi, vì chẳng phải hiện tại, như hoa đốm trong hư không.

Luận: “Lại, không có tác dụng”, đến “đều không được thành”.

Thuật rằng: Đời quá khứ và vị lai của nó chẳng phải tánh nhân duyên, vì không có thủ quả dụng, như Vô vi. Quá khứ, vị lai đã không có, không có trì chủng thức, cho nên đối với tất cả nhân quả của các bộ đều không được thành.

Luận: “Có chấp Đại thừa”, đến “và tất cả pháp”.

Thuật rằng: Phần thứ năm vô tướng Đại thừa của Thanh Biện, trong Tục đế cũng nói có Y tha và Viên thành, Chân đế đều không, nay Luận này nói không là để lại chấp biến kế, họ chấp văn này làm chánh giải, Luận kia nương vào tợ tỷ lượng của chân tánh Hữu vi không của Chương Trân, bác không có thức này, và tất cả pháp đều nói không có tự thể. Nói tợ tỷ lượng, là y theo chân tánh Hữu vi Vô vi của tông mình phi không bất không, hữu pháp một phần chẳng phải lỗi cực thành, vì ông không thừa nhận có Thắng nghĩa của ngã. Trong bốn thứ Thế tục và Thắng nghĩa, mỗi thứ đều tùy nhiếp, hoặc tùy Tiểu thừa kia chuyển thật có thì liền trái với tự tông, hoặc tùy theo Thắng nghĩa không của tự tông ông, ngã không thừa nhận cái không Thắng nghĩa của ông, cũng chẳng phải cực thành. Lại nữa, lấy ngã nói hoặc y theo Vô vi Hữu vi của Thế tục thì cả hai đều là có. Nếu y theo Thắng nghĩa phi không bất không. Nay ông nói không, tức là có lỗi trái với tự giáo, gọi là tợ tỷ lượng.

Luận: “Luận kia trì hại ngược lại với kinh dẫn ở trước”.

Thuật rằng: Trái với kinh nhiếp tịnh tập khởi tâm ở trước.

Luận: “Biết đoạn, chứng tu”, đến “thành đại tà kiến”.

Thuật rằng: Biết khổ đoạn tập, chứng diệt tu đạo. Nhiễm khổ tập, tịnh diệt đạo, tập đạo nhân, khổ diệt quả, đều chấp là chẳng thật, thành đại tà kiến. Hoặc họ chống chế rằng, ngã nương vào thế đế, chẳng nói không có, chỉ nói là chẳng thật.

Luận: “Ngoại đạo hủy báng”, đến “vì chỉ chấp phi thật”.

Thuật rằng: Là đồng với ngoại đạo. Ngoại đạo hủy báng cho đến chỉ chấp chẳng phải thật, cũng không gọi là nhiễm, tịnh v.v... đều không có, vì chỗ thấy hiện tại chỉ chấp là chẳng thật. Nhân của nhiễm không thể cảm quả ác, nhân của thiện không thể cảm quả thiện, vì chẳng phải thật, như hoa đốm trong hư không.

Luận: “Hoặc tất cả pháp”, đến “dùng làm binh lính”.

Thuật rằng: Tất cả pháp là không, Bồ-tát không nên khởi đại bi, xả sinh tử, nhóm hợp tư lương Bồ-đề, người nào có trí thì vì trừ kẻ địch hư huyền, cầu con của gái đá để làm binh lính mà cùng tội phá địch. Nếu giặc là có thì mới cầu tư lương để cầu đoạn nó.

Luận: “Cho nên phải tin có”, đến “nhân quả nhiễm tịnh”.

Thuật rằng: Nhân quả chẳng thể không tin thức này. Thanh Biện khuyên để sinh tín, trong đó có thể nói có hoặc không có ba tánh. Lược nói bản ý của Thanh Biện trong Chương Trân, phân ra hai kiến đó là đúng hay sai, nhất định song song với tà và chánh của tình. Ngã trong

Chân đế cũng chẳng phải pháp không có, chỉ không thể nói là nhân hay là quả, vì đường ngôn ngữ đoạn. Y tha và Viên thành trong Tục đế là có, vì chấp biến kế không có. Phần thứ ba là đoạn văn lớn tổng kết.

Luận: “Tâm của họ tức là Thức thứ tám này”.

Thuật rằng: Tâm trì chủng là Thức thứ tám này, tức là chứng chủng tử thứ tư trong tám chứng, Nhiếp Luận quyển 2 trong huân tập và nghĩa an lập bản thức trong quyển 3.

Luận: “Lại nữa, Khế kinh nói”, đến “lẽ ra không có”.

Thuật rằng: Thứ hai là tâm Dị thực, dẫn các kinh khác có thể biết. Nhưng ý trong đây phá Kinh bộ và Tát-bà-đa đều được, tức là thân thọ chứng trong tám chứng.

Luận: “Nói rằng nhãn thức...”, đến “chẳng phải tâm Dị thực”.

Thuật rằng: Văn dưới đây có bốn đoạn:

1. Phá chấp.
2. Nêu bày nghĩa.
3. Nói về thân thọ.
4. Lập tâm Dị thực.

Phần đầu có hai đoạn:

1. Phá chung.
2. Phá riêng.

Đây là hai nhân lập hai tỷ lượng tranh cãi thể Dị thực. Trong sáu Chuyển thức, chỗ cảm của nghiệp chẳng phải tâm Dị thực chân thật, vì đoạn rồi lại tiếp tục, cũng có khi gián đoạn, như điện chớp, nuôi lớn sắc. Nếu không nói riêng chỗ cảm của nghiệp thì có một phần lỗi tương phù. Tâm thiện ác kia nói chẳng phải Dị thực, nếu không nói là tâm Dị thực chân thật, tức là trái với tự tông, vì tự nói cũng là Dị thực sinh, hoặc phản đối chung sáu thức, không đáng là tâm Dị thực chân thật, vì chẳng phải tất cả thời là nghiệp quả, như điện chớp. Hoặc có gián đoạn, đoạn rồi lại tiếp tục, nhân này đều là phản đối chung sáu thức. Nghĩa là trong các thức này, không nên nói có tâm Dị thực chân thật, cho nên không có lỗi tương phù.

Luận: “Dị thực không nên”, đến “vì không có việc này”.

Thuật rằng: Luận kia nói Dị thực của mạng căn và năm căn, hẳn là nối tiếp không gián đoạn, vì tất cả thời là nghiệp quả. Đoạn rồi lại tiếp tục, nên biết sáu thức chẳng phải là tâm Dị thực. Chẳng phải trong Đại thừa thừa nhận nhãn căn... là Dị thực chân thật, tông kia nói, đây là phản đối chung đã xong. Dưới đây là phá riêng.

Luận: “Sáu thức như nhãn v.v...”, đến “chẳng phải Dị thực chân

thật”.

Thuật rằng: Phá câu nói của Tiểu thừa, chỗ nghiệp cảm trong sáu thức của ông chẳng phải Dị thực chân thật, vì chẳng phải hằng nối tiếp, như âm thanh, như gió v.v... Nên biết chỗ phá trước chỉ là phá chung. Lại nữa, chỗ nghiệp cảm trong thức của họ, là chỗ sinh của Dị thực, vì chẳng phải hằng nối tiếp, như tự thừa nhận âm thanh. Đại thừa thừa nhận là Dị thực sinh. Trong đây lại có nhân đoạn rồi lại tiếp tục, đều y theo trước mà khởi. Văn trong đây lược qua.

Luận: “Định lẽ ra thừa nhận có”, đến “làm chỗ nương của hữu tình”.

Thuật rằng: Từ đây trở xuống là phần thứ hai nói về quy chánh nghĩa. Định lẽ ra thừa nhận có tâm Dị thực chân thật. Tất cả thời nối tiếp, là đáp trả nghiệp lôi kéo. Phi mãn nghiệp là mãn nghiệp có gián đoạn. Thức dẫn quả có khắp ba cõi, sáu thức không khắp, vô sắc và định vô tâm, năm thức và ý không có. Không đoạn, là nói hằng, biến thành thân khí, vì thân và khí là hằng hữu, chắc chắn do tâm biến. Nhưng cảnh không lìa tâm, chẳng phải sắc pháp của thân khí có thể là chỗ nương tựa cho hữu tình. Hữu tình là giả. Giả, là nương vào thức này mà lập. Nếu không có thức này thì như cây chết, lại không thể lập giả là hữu tình. Đâu cần phải hằng thời biến thành thân khí?

Luận: “Thân khí lìa tâm thì lý chẳng thật có”.

Thuật rằng: Vì thân khí lìa tâm thì lý chẳng thật có, không thể là chỗ nương cho hữu tình. Đây là đối chung với các bộ. Lại nữa, cõi Vô sắc lẽ ra không có hữu tình, vì không có sắc cho nên như trước đã nói. Nếu thế thì mạng căn và Chúng đồng phân đủ là chỗ nương cho hữu tình, khắp mà không dứt thì có thể làm Dị thực chân thật, đâu cần thức này!

Luận: “Pháp bất tương ưng không có thật thể”.

Thuật rằng: Vì nó là không cho nên không thể làm chỗ nương. Đây là thiên về đối với Tát-bà-đa.

Luận: “Các Chuyển thức chẳng phải hằng hữu”.

Thuật rằng: Cũng không thể nương, vì chẳng phải hằng hữu. Lẽ ra không có tâm vị tức là chẳng phải hữu tình, vì không có sở y. Đây là thiên về đối với Kinh bộ. Hoặc đều là có đối.

Luận: “Nếu không có tâm này”, đến “hằng lập hữu tình”.

Thuật rằng: Nếu không có Thức thứ tám thì ai biến thành thân khí? Lại nữa, nương vào pháp nào để hằng lập hữu tình? thể của hữu tình vì là hữu tâm chẳng phải vô tâm.

Luận: “Lại nữa, trong định”, đến “thân thọ sinh khởi”.

Thuật rằng: Phần thứ ba nói về thân thọ. Nếu ở trong định hoặc không ở trong định, hoặc định Hữu lậu hoặc định Vô lậu đều thuộc về thân thọ này. Văn Du-già có như lý tư duy và bất như lý tư duy, thân thọ kia hoặc là không tư duy, hoặc lại tìm cầu, tức là trong đây có biệt tư lự và vô biệt tư lự. Nói rằng ở trong định hay loạn đều có thân thọ, có biệt tư lự vô biệt tư lự. Biệt tư lự, là khi ý thức duyên riêng một lý mẫu sâu xa hoặc riêng một việc. Vô biệt tư lự, là khi vô tâm, ở đây lại có biệt tư lự và vô biệt tư lự, lý có nhiều thân thọ sinh khởi, trong định v.v... có thân thọ khởi, nhưng không có năm thức hoặc duyên riêng, cho nên ở trong định, ý thức và thân thức không hay biết, chỉ có Thức thứ tám lãnh thọ cảnh này, trong các vị này, thân có tổn giảm và tăng ích, nên gọi là thân thọ, hoặc theo quả mà đặt tên, sau khi thân tổn giảm và tăng ích.

Luận: “Thân thọ này nếu không có”, đến “hoặc lại lao tổn”.

Thuật rằng: Nếu trong định không có thân thọ thì không nên sau khi xuất định, vì thân có thuận cho nên có vui thích, hoặc gặp nghịch cảnh thì lao tổn. Như sư ngồi thiền, tâm đang ở trong định duyên riêng, nếu chưa biết có lao tổn hay vui thích thì sau khi xuất định mới có tổn giảm hoặc tăng ích, vui thích hoặc lao tổn. Do trong định trước có cảnh tổn giảm hoặc tăng ích thì Thức thứ tám chấp lấy, sau đó có lao tổn đối với thân. Nêu ra quả vị sau để hiển bày có định của nhân. Nói thân thọ, thân là sở thọ, chẳng phải nói tâm sở thọ, vì đây tức là cảnh.

Luận: “Nếu không hằng hữu”, đến “có thân thọ này”.

Thuật rằng: Nếu không có sự lãnh thọ trong định của tâm Dị thực chân thật thứ tám thì người đó chắc chắn đang xuất định, làm sao có thân thọ này?

Luận: “Chẳng phải Phật khởi vị khác”, đến “chẳng phải Phật hữu tình”.

Thuật rằng: Phần thứ tư lập Dị thực. Luận rằng: “Chẳng phải Phật khởi các vị của tâm thiện khác, chắc chắn phải hiện khởi tâm Dị thực chân thật, là tông, vì chẳng phải Phật hữu tình, là nhân, như thừa nhận khi khởi vị kia, là dụ”. Chẳng phải Phật, là nói Bồ-tát, Nhị thừa và dị sinh, đây là phân biệt với Phật, Phật khởi vị tâm thiện không có tâm Dị thực. Khởi vị khác, chữ “khác” ở đây có hai thứ, hoặc là cùng thừa nhận tâm Dị thực trong sáu thức, tức là tâm vị thiện Vô lậu v.v..., hoặc là ngoài vị vô tâm. Đây là phân biệt với khởi tâm Dị thực, càng lập tâm Dị thực thì càng phạm lỗi tương phù, vì không có đồng dụ. Trong vị đó chắc chắn phải hiện khởi tâm Dị thực chân thật.

Từ đây trở xuống hai câu là pháp, hai câu trước là hữu pháp. Chẳng phải Phật hữu tình, là không nói rằng chẳng phải Phật mà chỉ nói hữu tình, có lỗi bất định, hoặc trái với tự tông, vì Phật cũng thị hiện làm hữu tình. Khi thiện và vô tâm thì không có tâm Dị thực, như khi thừa nhận hiện khởi kia, như ông tự thừa nhận, hoặc tôi thừa nhận tông ông hiện khởi tâm cảm nghiệp trong sáu thức kia là Dị thực chân thật, cho nên được làm dụ. Nếu không như thế thì có chỗ lập bất thành, vì không thừa nhận Dị thực chân thật của sáu thức. Lại nữa, không nêu ra đây tức là không có đồng dụ, hoặc lấy Thức thứ tám của tông làm dụ, vì Luận kia nói không có, không có đồng thời bất thành. Tâm Dị thực khởi trong sáu thức là chẳng phải Phật hữu tình, vì sao khi tâm thiện khởi thì không có tâm Dị thực, vì cũng chẳng phải Phật hữu tình.

Luận: “Vì là hằng hữu”, đến “đây là Thức thứ tám”.

Thuật rằng: Do đạo lý này chắc chắn hằng có tâm Dị thực chân thật. Đây là tổng kết, tức là giải thích văn thân thọ trong tám chứng. Nếu không có giải thích này thì khó hiểu văn kia. Từ đây trở xuống là phần thứ ba.

Luận: “Lại nữa, Khế kinh nói”, đến “không nên có”.

Thuật rằng: Nói thể của thú sinh, lấy kinh làm chứng, chung với chỗ phá Nhất thiết hữu bộ và Kinh bộ, đều nói được.

Luận: “Nói rằng phải thật có”, đến “chính thật thú sinh”.

Thuật rằng: Dưới đây văn có ba đoạn:

1. Có nghĩa nhiều ít.
2. Ngăn các lỗi khác.
3. Trở về bản thức.

Đây là phần đầu. Bốn nghĩa có đủ nên mới gọi là thú sinh:

1. Phải thật có, nghĩa là phải có thể, giả pháp chẳng phải thú sinh, vì thú sinh là thật có, tức là ở cảm của nghiệp là thật có.

2. Phải thường nối tiếp, nghĩa là không có gián đoạn, pháp lực thú sinh, thể sinh trong thú này và sinh này.

3. Phải cùng khắp. Nói rằng ở khắp ba cõi và chín địa, không thể thú sinh này chỉ ở tại một xứ giới, không ở xứ giới khác, vì thú sinh có chung cho ba cõi và các địa, hoặc hữu tình Hữu lậu đều thuộc về thú sinh, nếu không khắp thì chẳng phải thú sinh.

4. Phải là không tạp loạn. Nói rằng sinh vào thú sinh này mới khởi pháp này, gọi là thú sinh. Hoặc sinh vào thú sinh này có thể khởi các pháp của thú sinh khác, là chẳng phải thú sinh, mà lẽ ra thành nhiều thú nhiều sinh.

Đủ bốn nghĩa này, là chánh, là thật, thể của thú sinh. Đây là nói chánh thật, phân biệt với pháp năng thú và trung hữu đều gọi là thú sinh. Trong các kinh Luận nói phiền não là thú sinh, là giả thú sinh, tương tự thú sinh, chẳng phải là thể chánh thật của thú sinh. Nay Luận này nói ý chánh thật là tại đây.

Luận: “Chẳng phải pháp Dị thực”, đến “pháp thú sinh”.

Thuật rằng: Dưới đây là ngăn lỗi khác. Có bốn nghĩa ngăn, tức là ngăn thứ nhất, ở đây có hai ý:

1. Phân biệt chung, nghĩa là ngoài Thức thứ tám ra, các thức còn lại đều chẳng phải pháp Dị thực, vì chẳng phải pháp Dị thực chân thật. Ý này nơi Dị thực chân thật ở trước nói là chánh. Nói theo chủng loại thì trụ một thú một sinh có thể khởi các pháp thú sinh khác.

2. Phân biệt riêng. Dưới đây là phân biệt với sinh đặc thiện, biệt báo tâm, tâm pháp, sắc và bất tương ứng hành mà thôi. Nay trong đây tuy nói chung là chẳng phải pháp Dị thực, là chỗ phân biệt dưới đây. Nói rằng các gia hạnh thiện và vô nhiễm ô, ngoài ra tâm Vô ký và tâm pháp, nuôi lớn sắc Đẳng lưu, đều có thể khởi pháp thú sinh khác. Thức thứ bảy không ở trong này, chẳng phải cộng hữu. Nay phân biệt cộng hữu, tức là phân biệt nhân thứ tư nhân vô tạp trong bốn nhân. Đây là giải thích từ dưới lên trên.

Luận: “Các sắc Dị thực”, đến “hoàn toàn không có nó”.

Thuật rằng: Đây là ngăn thứ hai. Trong sắc Dị thực có chín xứ, trừ thanh xứ và pháp xứ thì trong cõi Vô sắc không có sắc Dị thực, và chỗ cảm của nghiệp trong năm thức, tức là khổ thọ, lạc thọ và xả thọ tương ứng với báo tâm là Dị thực sinh, không khắp thú sinh. Thiên thú, hóa sinh, tức là trong cõi Vô sắc hoàn toàn không có nó, đây là nêu ra toàn xứ, đối với biệt biệt địa cũng không có. Tỷ và thiết trong cõi Sắc không có, ngoài ra ba thức và Nhị thiên trở lên không có. Các sắc phân biệt có thể biết. Trong đây không nêu ra phần vô xứ, chỉ y theo chỗ không có phân biệt mà Luận. Ở đây có bốn nhân, trong đó nhiều ít tức là phân biệt thứ ba.

Luận: “Các sinh đặc thiện”, đến “mà không hằng hữu”.

Thuật rằng: Tức là ngăn thứ ba, điều này chỉ có trong Ý thức thứ sáu. Năm thức tuy cũng không có tạp khởi, cõi Vô sắc hoàn toàn không có, như ngăn loại ở trước, chẳng phải điều ở đây nói và biệt báo trong ý, tuy khắp thú sinh khi khởi thì không có tạp loạn, nhưng không có hằng hữu, vì có gián đoạn, tức là phân biệt hằng nhân thứ hai. Nhưng ở đây lại nói nhân bất cộng, cũng nói cộng nhân là khắp và không có tạp loạn,

có thể chung lên trên cũng có, trong đây không nói. Nhưng ở đây nói sở hữu, tức là nói trước sau đều có nhân sở hữu. Loại ở đây lẽ ra nói, sợ chán văn rườm rà cho nên lược qua ảnh hiển.

Luận: “Bất tương ưng hành”, đến “là thật thú sinh”.

Thuật rằng: Tức là ngăn thứ tư. Đây là phần đầu phân biệt nhân, vì niệm trước thành cho nên không còn tỷ lượng, nhưng bốn nhân này không những mỗi mỗi đều phân biệt riêng hay phân biệt chung đều chẳng phải là nghiệp quả. Có đủ bốn nghĩa là nghiệp quả, là Thức thứ bảy chẳng phải cộng hữu. Trong đây không phân biệt, nhưng nhập trong hàng thứ ba, vì nhập địa mà có sự chuyển dịch, vì nhập diệt định có gián đoạn, chẳng phải nghiệp quả, Thức thứ bảy của người vô tánh chẳng phải nghiệp quả. Dưới đây phân biệt với pháp tâm sở của người vô tánh cũng ở trong đó, tùy chỗ khác mà sinh liền thuộc về người vô tánh. Trong đây nói vua là có ý gồm cả các quan.

Luận: “Chỉ có tâm Dị thực”, đến “là chánh thật thú sinh”.

Thuật rằng: Từ đây trở xuống phần là thứ ba trở về bản thức. Trong đó lại có ba đoạn:

1. Quy bản thức.
2. Phá lỗi người.
3. Phân biệt với Phật vị.

Đây là phần đầu, như vậy chỗ phân biệt ngoài năm uẩn pháp đều không thể lập chánh thật thú sinh. Lại nữa, nghiệp quả này biết rõ Vô vi, Vô lậu Hữu vi đều chẳng phải thể của thú sinh, chỉ có tâm Dị thực và tâm sở của họ, thể là thật, là hằng, là biến, là vô tạp, là chánh thật thú sinh.

Luận: “Tâm này nếu không có”, đến “lẽ ra chẳng phải thú sinh”.

Thuật rằng: Dưới đây là phá lỗi người, thừa nhận biệt báo tâm là thú sinh, vì đã biết ngoài tâm Dị thực Vô ký là thể của thú sinh. Tâm này nếu không có, sinh lên cõi Vô sắc khởi các vị như thiện v.v... lẽ ra không phải thú sinh. Nói rằng cõi đó khi khởi tâm tánh thiện thì có phú tâm, lẽ ra chẳng phải thú sinh. Lúc này không có báo, không đồng với sắc hữu báo của cõi dưới. Hoặc ở đây vốn vặn hỏi chỉ có sư Kinh bộ, vì không có mạng căn bất tương ưng, hoặc phá Tát-bà-đa, vì đã không thừa nhận bất tương ưng kia, mà hiện tại đặt ra câu hỏi này, đối với lý thì không ngăn, nên biết nếu thừa nhận pháp biệt báo là vặn hỏi thú sinh, trước đã ngăn thiện chẳng phải thú sinh tạp khởi, một thú thành nhiều thú pháp, lẽ ra là nhiều thú thân. Thứ nhất là nếu thừa nhận tâm

biệt báo đã xong.

Luận: “Nếu thừa nhận thú sinh”, đến “thì trái với chánh lý”.

Thuật rằng: Tiếp theo phần thứ hai dù thừa nhận thú sinh nhiếp tất cả Hữu lậu, tức là các thiện đều như vậy. Sinh lên cõi Vô sắc khởi tâm Vô lậu, lẽ ra chẳng phải thú sinh, tức là liền trái với Chánh Lý. Có bậc Thánh Nhị thừa chẳng phải thuộc thú sinh, tức là Nhiếp Luận quyển 3 ghi: “Sinh lên cõi Phi tướng xứ khi khởi tâm Vô lậu vô sở hữu xứ, tức là hai đường đều phải diệt lia”. Nhưng có đặt câu hỏi thừa nhận tất cả Hữu lậu là thú sinh, đều lấy câu hỏi trước nên tìm tòi cơ hội của họ, đây là có chung cho các bộ, nghĩa y theo giải thích ở trước.

Luận: “Không có lỗi trước”, đến “chánh thật thú sinh”.

Thuật rằng: Không có nói không có bốn lỗi ở trước, và vì có lỗi sau cùng của thuyết này, nhưng pháp Dị thực là chánh thật thú sinh. Hoặc có Thức thứ tám tất cả thời hằng có, không có lý do vặn hỏi lỗi này, vì lấy pháp Dị thực làm chánh thật thú sinh.

Luận: “Do vì Như Lai”, đến “pháp Vô ký”.

Thuật rằng: Dưới đây là phân biệt với Phật vị. Phật không thuộc thú sinh, vì Phật không có báo pháp.

Luận: “Cũng không phải thuộc về giới”, đến “vì đã đoạn vĩnh viễn”.

Thuật rằng: Bốn trí đồng thời với thiện cũng không phải thuộc giới, vì chẳng phải Hữu lậu. Hữu lậu nghĩa là cõi, giới nghĩa là trói buộc. Lại nữa, vì sao Ngài không phải trói buộc? Thế Tôn đã xả hai Đế khổ và tập mới gọi là Thế Tôn. Vì sao không có Khổ và Tập? Vì các chủng tử hý Luận của Hữu lậu đã đoạn vĩnh viễn. Pháp Hữu lậu gọi là hý Luận, pháp Vô lậu gọi là pháp không trói buộc, cho nên không đồng với hý Luận, do đó chánh thật thú sinh chỉ có tâm Dị thực và tâm sở.

Luận: “Chánh thật thú sinh”, đến “Thức thứ tám này”.

Thuật rằng: Thế Tôn có chỗ nói vì nhân thú, gọi là hóa sinh, như trong thực dưới đây có giải thích, đều là thị hiện, chẳng phải chánh thật thú sinh, Ngài hoàn toàn Vô lậu, vì đây là báo pháp. Trong Luận Phật Địa cũng đồng giải thích này.

Luận: “Lại nữa, Khế kinh nói”, đến “không nên có”.

Thuật rằng: Từ đây trở xuống là dẫn kinh làm chứng năng chấp thọ, là Chứng chấp thọ đầu tiên trong tám Chứng. Nhưng chứng này hơi rộng, phần đầu chung với chỗ phá tâm năng chấp của các bộ.

Luận: “Nói rằng năm sắc căn”, đến “tâm năng chấp thọ”.

Thuật rằng: Văn sau có ba đoạn:

1. Hiển bày sở chấp để nêu rõ tâm năng chấp.
2. Nói về tâm chấp để hiển bày chỉ có Thức thứ tám.
3. Phá các chấp khác chẳng phải năng chấp thọ.

Đây là phần đầu. Năm căn ở tại tự thân, chẳng phải Tướng phần của mình và năm căn của thân người. Y xứ, trừ âm thanh ra, đều chẳng phải là chấp thọ, cho nên chín xứ chấp thọ của Đối Pháp trừ âm thanh ra, vì âm thanh chẳng phải sở chấp.

Hỏi: Vì sao âm thanh chẳng phải sở chấp thọ?

Đáp: Vì có gián đoạn. Lại, âm thanh có từng đoạn xa thưa, cho nên chẳng phải sở chấp. Nhưng quyển 55 cũng nói là chấp thọ, vì nương vào chấp, chẳng phải sinh chấp thọ, như trước đã nói. Chỉ có đời hiện tại là hữu tình, có thể có chấp thọ. Quá khứ và vị lai thì không có. Kinh bộ thì không có quá khứ và vị lai. Tát-bà-đa thì chẳng phải quá khứ và vị lai. Đây là nêu ra sở thọ, Luận kia chỉ có thân căn năng sinh ra giác thọ, các căn khác đồng nhóm cũng gọi là chấp thọ. Chính khi thân thức của nó chuyển thì gọi là chấp thọ. Thân thức không chuyển cũng gọi là chấp thọ, vì là loại kia. Đây là đồng với pháp sở chấp thọ, quyết định do có tâm năng chấp thọ giữ gìn khiến cho không hoại. Trong kinh tuy chỉ nói có sắc căn thân là có chấp thọ, tự nó chẳng phải năng chấp, lẽ ra có riêng sở chấp, đã không có sở chấp riêng mà nói có chấp thọ, nên biết có tha có thể chấp thọ tự.

Luận: “Chỉ có tâm Dị thực”, đến “không có nghĩa như vậy”.

Thuật rằng: Dưới đây nói về chấp tâm, để hiển bày chỉ có Thức thứ tám, trong đó có hai đoạn:

1. Hiển bày có Thức thứ bảy, không có Thức thứ tám.

2. Lựa bỏ bớt những lời quá lối, đây là đoạn văn đầu, tâm nào là năng chấp thọ? Chỉ có tâm Dị thực, nghĩa là Thức thứ tám, trước tiên là thể do nghiệp dẫn mặc tình khởi, chẳng phải duyên hiện tại khởi. Nếu Thức thứ bảy cũng do duyên hiện tại dẫn khởi thì không thể chấp thọ, tức là nhân thứ nhất trong năm nhân của tám chứng chấp thọ. Dưới đây là tự làm lượng, không thể nêu ra rườm rà. Chẳng phải thiện và nhiễm, đồng lấy oai nghi Vô ký, là nhân thứ hai. Luận kia nói sáu thức thiện ác có thể đắc, không thể chấp thọ. Một loại là một loại của Thức thứ tám thuộc tánh Dị thực Vô ký, đó là nhân thứ ba. Luận kia nói một loại của sáu thức thuộc tánh Dị thực Vô ký không thật có, không thể chấp thọ. Có thể chấp thọ khắp, là chỉ có bản thức có thể chấp thọ khắp các pháp của năm căn, là nhân thứ tư. Luận kia nói sáu thức đều nương dựa riêng, không thể chấp thọ khắp hết. Trong đó sắc căn Thức thứ tám của Phật

chứng, như ở sau tự hiểu. Chấp thọ nối tiếp là Thức thứ tám chấp thọ tất cả thời. Chẳng phải có chấp, không chấp, khi không chấp thì liền thối rửa, là nhân thứ năm. Luận kia nói chỗ nương của sáu thức lẽ ra thành lỗi niệm niệm chấp thọ, chỉ có Thức thứ tám có đủ năm nghĩa này. Bảy Chuyển thức như nhân v.v... đều chẳng phải nghiệp dẫn, không đủ năm nghĩa, cho nên chẳng phải năng chấp.

Luận: “Câu nói này có ý hiển bày”, đến “không có chấp thọ”.

Thuật rằng: Dưới đây là lựa bỏ câu nói quá mức. Trong Luận có ý nói để hiển bày sáu Chuyển thức đều không có một loại có thể nối tiếp khắp tự bên trong có thể chấp hữu sắc căn thân. Đã sáu Chuyển thức không thể chấp thọ, tức là chỉ có Dị thực Thức thứ tám là năng chấp. Câu nói này chẳng phải hiển bày chỉ có tâm Dị thực mới có năng chấp thọ, chẳng phải sắc thân của chư Phật cũng không có chấp thọ. Thức thứ tám thiện của Phật cũng là năng chấp. Nói rằng hai nhân trước chỉ có nghĩa sai biệt, tức là thuộc một loại. Một loại Dị thực Vô ký, tức là thuộc cả hai, cho nên hiện tại nói có ba. Lại nữa, hai nhân trước phân biệt với đồng nhân của bản thức và Chuyển thức, trong ba nhân sau nói về bảy Chuyển thức không thể chấp thọ khắp nội trong hữu căn thân, tức là nói về sự chấp nội trong sắc thân Hữu lậu chỉ có thức Dị thực. Chẳng phải hiển bày năng chấp thức chỉ có tâm Dị thực. Năng chấp thọ của Phật là bất định.

Luận: “Nhưng năng chấp thọ”, đến “cho nên nói như vậy”.

Thuật rằng: Chấp thân Hữu lậu chỉ có tâm Dị thực, chẳng phải tâm thiện. Tuy tâm thiện của Phật cũng có thể chấp thọ, nhưng chấp Vô lậu thiện chẳng phải thân Hữu lậu, cho nên khởi nói như vậy.

Luận: “Nói rằng các Chuyển thức”, đến “như Phi trạch diệt”.

Thuật rằng: Dưới đây là phác các chấp khác. Phần đầu có năm phá chung lỗi của thức, sau đó ngăn sắc. Trong phần đầu có hai đoạn:

1. Phá tâm.
2. Ví dụ sở.

Nói rằng các Chuyển thức phá chung sáu thức, đều không thể chấp thọ sắc thân Hữu lậu, tức là lấy câu nói dưới làm pháp của tông, vì hiện tại duyên khởi, như tiếng gió, tức là đối với chỗ nói trước về thức A-lại-da, chỗ dẫn nghiệp trước hết như theo năng chấp thọ. Lại nữa, trong pháp của tông không nói không thể chấp thân Hữu lậu. Giả sử sáu Chuyển thức là tánh Vô lậu thì cũng không thể chấp thân Vô lậu của Phật. Lại nữa, trong pháp dưới đây không thể chấp thọ sắc thân Hữu lậu, tự nó vẫn đầy đủ, sau đây đều y theo đó mà biết. Đây là nhân thứ

nhất.

Từ đây trở xuống là phần thứ hai phá riêng dị tánh. Tánh thiện và nhiễm trong Chuyển thức kia, đồng lấy tâm oai nghi, không thể chấp thọ sắc thân Hữu lậu, vì chẳng phải nghiệp dẫn, như Phi trạch diệt. Tự đối với thuyết trước chẳng phải thiện và nhiễm, nhưng thức Vô lậu không chấp Hữu lậu sắc thân, cho nên không có lỗi, đồng thời cùng chung thừa nhận.

Luận: “Dị thực sinh”, đến “Hữu lậu sắc thân”.

Thuật rằng: Đây là đối với ba nghĩa tỷ lượng một loại, năng biến khắp và nối tiếp của thuyết trước, Dị thực sinh trong Chuyển thức kia, cũng không thể chấp Hữu lậu sắc thân. Từ đây trở xuống là ba nhân đều phá. Tâm Dị thực của sáu thức không thể chấp thọ, vì chẳng phải Dị thực chân thật. Trước đã cực thành, đã có gián đoạn, chẳng phải Dị thực chân thật, cho nên được làm nhân. Ba nhân trước có gián đoạn là chẳng phải một loại. Lại nữa, vì chẳng phải nương khắp, tức là mỗi nhân đều riêng nương vào chuyển, chính là nhân thứ tư, tức là đồng với chương sinh bất tịnh của Nhiếp Luận mỗi nhân đều nương riêng. Lại nữa, vì không nối tiếp, niệm chấp lỗi, là nhân thứ năm. Bất kiên trụ cũng sinh trong bất tịnh, dụ nói rằng như điện chớp. Thức thứ tám ở trên, năm nhân kế đó phối hợp. Nhưng xưa thì làm lượng riêng của năm nhân, xét trong Du-già sao, ở đây đồng với ba dụ, tuy một thì liền được khắp năm nhân. Luận sư muốn sinh tuệ xảo, cho nên liền ở đây nêu ra thí dụ riêng, xét tám thức chấp thọ thứ nhất, không thấy văn này, chỉ biết hư dối đọc qua.

Luận: “Câu các tâm thức”, đến “như câu Duy thức”.

Thuật rằng: So sánh để phá tâm sở. Từ trên đến đây câu như vậy tâm Dị thực, câu các Chuyển thức cũng nhiếp tâm sở, vì định tương ứng, như câu Duy thức. Luận kia cũng không bỏ sót pháp tâm sở, do một đoạn văn này, chứng biết các văn trên dưới đều như vậy, văn giữa thì lấy làm phần đầu và phần sau của pháp ảnh. Từ trên đến đây có cả phá sáu thức của các bộ, chẳng phải năng chấp thọ.

Luận: “Chẳng phải các sắc căn”, đến “như hư không”.

Thuật rằng: Từ đây trở xuống là phá riêng chấp thọ sắc của Kinh bộ và Tát-bà-đa. Nói rằng chấp của sư Kinh bộ có tâm và sắc lẫn nhau trì chủng và có thể thọ huân, đã phá như trước. Nay Luận này phá sắc căn cũng không thể chấp Hữu lậu sắc thân, vì không có sở duyên, như hư không. Nói rằng tâm năng chấp thọ của Tát-bà-đa, đã phá xong như trước. Hoặc nói rằng mạng căn và Đồng phần làm năng chấp thọ, hiện

tại Luận này cũng phản đối. Bất tương ứng hành tuy nêu tổng danh, nhưng ý muốn chấp lấy mạng căn và Chúng đồng phần, ngoài ra thì không chấp. Hoặc lập ra để ngăn các chấp khác, đều không thể chấp Hữu lậu sắc thân, vì không có sở duyên, như hư không. Đây là giả sử thừa nhận có thể, nếu không như thế thì lẽ ra nói vô thể tánh. Hiện tại chính là chẳng phải không có thể, cũng được lấy vô sở duyên làm nhân.

Luận: “Cho nên phải có riêng”, đến “Thức thứ tám này”.

Thuật rằng: Ngoài ra đã không thể chấp, nên biết có riêng Thức A-lại-da làm năng chấp thọ. Không có vận hội lỗi trước.

Luận: “Lại nữa, Khế kinh nói”, đến “đắc nối tiếp trụ”.

Thuật rằng: Từ đây trở xuống là phần thứ năm, ba pháp Khế kinh, mỗi đoạn văn đều có ba phần, y theo trên có thể hiểu. Kinh này có bài tụng:

*Thọ, noãn cùng với thức
Khi ba pháp xả thân,
Chỗ xả thân tế ngã
Như gỗ không biết gì.*

Trong đây kinh nương giữ lẫn nhau là văn xuôi, có khác chút ít với bài tụng. Ý kinh này nói, đối với hữu cội Sắc có thọ mạng, noãn xứ và năng trì thức, vì thuộc ba pháp. Thức như hai pháp kia lẽ ra cũng nối tiếp cho nên lấy làm thể.

Luận: “Nếu không có thức này”, đến “không nên có”.

Thuật rằng: Điều lấy lý để thành tựu, dưới đây tự giải thích riêng, thứ hai chánh giải có ba đoạn:

1. Phi Chuyển thức.
2. Tức A-lại-da.
3. Vận hội dị chấp.

Luận: “Nói rằng các Chuyển thức”, đến “trì thọ, noãn, thức”.

Thuật rằng: Đây là phi Chuyển thức, sáu Chuyển thức đối với năm vị có gián đoạn, đối với ba tánh có chuyển biến, vì nghĩa này không có hằng trì dụng, như tiếng gió v.v... trong đây ba lượng, nhân có ba đoạn:

1. Có gián đoạn.
2. Có chuyển biến.
3. Không có hằng dụng.

Không thể lập làm trì thọ, noãn và thức, phá chung các bộ. Hoặc Luận kia lập ra nói Chuyển thức có trì dụng, mà chẳng phải hằng trì, tức

là dùng một pháp này làm nhân cực thành. Nếu nói Ý thức thứ sáu nhỏ nhiệm có hằng trì dụng, hiện tại Luận này lấy làm pháp không có hằng trì dụng, vì có gián chuyển, như tiếng gió v.v... Cũng được làm lượng.

Luận: “Chỉ có thức Dị thực”, đến “trì thọ, noãn và thức”.

Thuật rằng: Đây tức là A-lại-da, lấy Thức thứ tám lập làm trì thọ, noãn và thức, không có gián đoạn, vì thừa nhận có hằng trì dụng, cũng như thọ và noãn. Thí dụ này có lỗi. Vì thọ và noãn chẳng phải năng trì thức. Lại nữa, thức có thể trì hai pháp noãn và thọ. Noãn không trì noãn, thọ không trì thọ. Nay lẽ ra nói Thức thứ tám của ta có thể làm năng trì noãn, vì thừa nhận không có gián đoạn và chuyển biến, vì hằng trì dụng, như thọ. Hoặc năng trì thọ, nhân như trước, dụ như noãn. Lại nữa, Thức thứ tám có thể làm năng trì, vì thừa nhận trong ba pháp thọ, noãn và thức nhiếp, như hai pháp kia. Luận không có nhân này, vì nhân này chung. Nhưng văn nghĩa của Luận này đủ để làm Luận, chẳng phải có văn chủ yếu, cho nên văn Luận nói: “Trì thọ, noãn và thức”, lấy thọ noãn làm dụ, hoặc lại thành lập, tánh của Thức thứ tám có hằng trì dụng và vô gián chuyển. Trước vì thừa nhận nhân vô gián chuyển, sau vì thừa nhận nhân hằng trì dụng. Kế là lần lượt lấy nghĩa.

Luận: “kinh nói ba pháp”, đến “đâu phù hợp chánh lý”.

Thuật rằng: Sau vặn hỏi các dị chấp. Trong đó có ba đoạn:

1. Nêu câu hỏi.
2. Chất vấn ngược lại.
3. Giải thích nêu bằng chứng.

Đây là nêu câu hỏi. Kinh nói ba pháp y trì lẫn nhau, ngoài hai pháp nối tiếp chỉ có một thức gián đoạn, đâu phù hợp chánh lý, thiếu một thì không thể gọi là y trì lẫn nhau. Vì Luận kia nói sáu thức nên nói gián và chuyển. Gián là đoạn, chuyển là dịch. Lượng rằng: “Trong ba pháp thì thức lẽ ra là một loại nối tiếp, vì thuộc ba pháp, như hai pháp thọ và noãn kia”. Lại nữa, hoặc nên chất vấn ngược lại, pháp thọ và noãn lẽ ra cũng là gián đoạn, vì thuộc ba pháp, như Luận kia thừa nhận thức. Đây là Luận chủ nêu bằng cứ.

Luận: “Tuy nói ba pháp”, đến “chỉ có gián đoạn chuyển”.

Thuật rằng: Đây là người ngoài chất vấn ngược lại. Tuy nói ba pháp trì lẫn nhau, hai nhà cùng thừa nhận, chỉ có một noãn không khắp ba cõi, chẳng phải thọ và thức, cũng như đối với noãn. Nay Luận này, Luận chủ không thừa nhận chỉ một mình thức có gián đoạn. Ví như nói ba pháp nương dựa lẫn nhau, noãn thì không khắp ba cõi, sự y trì thì thừa nhận ba pháp, ngại gì chỉ một mình thức thừa nhận gián đoạn chuyển

biến.

Luận: “Đây là đối với lý trước”, đến “hằng trì dụng lẫn nhau”.

Thuật rằng: Dưới đây giải thích bằng chứng. Luận chủ giải thích rằng: “Đây là đối với lý trước của tôi, chẳng phải là vặn hỏi về lỗi”. Trong kinh nói ba pháp nương dựa lẫn nhau, là nói nếu xứ có đủ ba pháp thì cõi Dục và cõi Sắc không có gián đoạn chuyển dịch thì có thể hằng trì lẫn nhau, nếu không như thế thì không có hằng trì dụng lẫn nhau. Nói rằng có gián chuyển thì chẳng phải như thế, như sáu Chuyển thức không có hằng trì dụng. Kinh nói ba pháp lại nương dựa lẫn nhau, chẳng phải khiến cho vô sắc cũng có noãn pháp.

Luận: “Trước lấy lý này”, đến “lý đó cực thành”.

Thuật rằng: Trước là tôi nói lý hằng trì dụng, để hiển bày cái gọi là thức trong ba pháp rằng chẳng phải giải thích Chuyển thức, ý nói Thức thứ tám hằng có dụng, ông nêu ra noãn không khắp, lẽ nào phá hoại lý trước của tôi, chỗ nói trước của tôi là thức không khắp, có thể lấy noãn làm thí dụ, tôi cho thức không có hằng dụng thì làm sao lấy được noãn làm lý, họ chống chế rằng, thức có gián đoạn cho nên không có hằng trì dụng, noãn không có, sắc không có, lẽ ra cũng như thức. Ý của Luận chủ giải thích, có đủ xứ của ba pháp thì có thể có hằng trì dụng, trong cõi Dục và cõi Sắc đặt câu hỏi đối với ông, ở đây thì không thể có đủ xứ của ba pháp, chỉ có thức gián chuyển, thọ và noãn thì không đúng. Chẳng phải đối với vô sắc chỉ nói noãn không có, đó là ví dụ khiến cho đủ xứ của ba pháp, vì thừa nhận thức gián chuyển có hằng trì dụng, cho nên tôi trước nói lý cực thành.

Luận: “Lại nữa, trong ba pháp”, đến “nhất định chẳng phải Vô lậu”.

Thuật rằng: Trước không đồng giải thích, nếu lại mặc tình thức của ông gián chuyển như noãn thì sáu thức của tông ông làm thức trong đó, lẽ ra không chung với ba tánh và Vô lậu, như thọ và noãn. Luận không có ba tánh, y theo ví dụ lẽ ra làm thành, cho nên nói: “Lại nữa, trong ba pháp cho đến nhất định chẳng phải Vô lậu”. Điều này cũng không đúng. Như thọ có thể trì noãn chẳng phải là thọ, vì là năng trì cho nên thọ lẽ ra chẳng phải thọ. Luận kia đã không đúng, ở đây nói: “Vì sao như thế, cho nên làm sao lấy được thức làm năng trì”! Vì để khiến cho như thọ và noãn chẳng chung với ba tánh và chẳng phải Vô lậu, ý này không đúng. Nói rằng pháp Vô lậu không trì Hữu lậu, thức như thọ và noãn chỉ có Hữu lậu mới có trì. Lẽ nào được nói ba tánh có thọ hoặc chẳng phải thọ làm ví dụ thành lỗi. Tất cả trong các vặn hỏi đều có ví

dụ này. Lại nữa, văn trong đây phần thứ hai vắn hỏi riêng.

Luận: “Sinh cõi Vô sắc”, đến “có thể trì thọ nó”.

Thuật rằng: Lại còn thừa nhận có cõi Sắc vì có sắc thân. Khi thức Vô lậu thì thọ và noãn có thể tồn tại, hoặc có cõi Sắc có sắc thân, nếu thức Vô lậu thì nghĩa ấy cho nên nay Luận này không đặt câu hỏi.

Sinh cõi Vô sắc đã không có đối với noãn, khi khởi tâm Vô lậu thì thức nào có thể trì thọ kia? Không có sắc thân thì y trì chỗ nào?

Luận: “Do đây nên biết”, đến “Thức thứ tám này”.

Thuật rằng: Đây là tổng kết, do đây nên biết có thức Dị thực, một loại Vô ký, nối tiếp hằng hữu, thể khắp ba cõi, có thể trì thọ và noãn, thức kia tức là Thức thứ tám này. Như câu hỏi trong mạng căn quyển 5 của Câu-xá. Nhưng nay Luận này lấy công năng trên thức chủng làm thọ, tức là hiện hành đối với chủng làm y trì lẫn nhau, nghĩa này thế nào? Chủng sinh đối với nhân duyên hiện hành có năng lực, nhân đối với sở sinh có thể trì như thế. Hiện hành đối với chủng đã chẳng phải năng huân, không có năng lực dẫn sinh thì năng trì lẽ nào tồn tại! Nghĩa của nhân duyên chẳng phải chủ yếu là năng huân, như chủng và tự loại sinh làm thí dụ. Đã là Thức thứ tám hiện hành, tuy chẳng phải năng huân đối với chủng tử kia, cũng chẳng phải nhân duyên, nhưng xứng với năng lực, nếu không có trì thì bị hoại mất, sự giữ gìn lẫn nhau trong đây chẳng phải là nghĩa nhân duyên, do thức và thọ này cả hai đều trì lẫn nhau, lại làm duyên đối với sự lập nghĩa này.

Luận: “Lại, Kế kinh nói”, đến “lẽ ra không có”.

Thuật rằng: Từ đây trở xuống phần thứ sáu. Đây là phần đầu dẫn kinh làm chứng có thức. Nói rằng thức này là Đại thừa và chung với tiểu bộ. Sự thọ sinh và qua đời chắc chắn trụ tán vị và có tâm mới được thọ sinh và qua đời. Trong lý này hợp chung văn lại chắc chắn là trụ tán tâm, chẳng phải trụ vô tâm và chẳng phải trụ định vị mà được qua đời và thọ sinh. Dưới đây là phá Kinh bộ. Vì sao? Vì Du-già quyển 80 ghi: “Các vị vô học trước phải nhập diệt định, sau đó mới nhập vô dư, cũng vô tâm qua đời. Nó không có sáu thức, chẳng phải không có Thức thứ tám”. Từ đây tức là hiển bày, hoặc lấy sáu thức làm thức qua đời thì nó làm sao thành? Hoặc nói ý thức thọ sinh và qua đời thì do nguyện lực của vô học đưa đến như thế, đã có Thức thứ tám cũng chẳng phải vô tâm. Lại, nói các dị sinh và hữu học không trái nhau.

Luận: “Nói rằng khi sinh tử”, đến “chắc chắn không hiện khởi”.

Thuật rằng: Văn dưới đây có năm đoạn:

1. Phá lỗi của sáu thức.

2. Hiển bày Thức thứ tám.
3. Phá dị thuyết của Đại thừa.
4. Phá nghĩa của Thượng tọa bộ.
5. Vấn hỏi thức khi chết xả dần dần.

Trong phần đầu có ba đoạn: Như văn tự hiển bày, đây là phần thứ nhất nêu ra không có Chuyển thức. Ở giai vị này thân tâm đều rất tối tăm, thân mê mờ thì tánh ngang bướng, tâm tối tăm thì tánh mờ yếu. Như ngủ không mộng, tức là thùy miên vô tâm trong năm vị, khi rất buồn bực thì có các việc như quỷ và Dược-xoa đầy khởi, như Vô tâm địa của quyết trạch phân nói, nhưng hai vị sinh tử của sư Du-già đã không có sáu tâm, không nói riêng trong Vô tâm địa, tức thuộc về muộn tuyệt, nay nói muộn tuyệt lia tử, ngoài sinh thì làm chỗ muộn tuyệt của quỷ và dược-xoa, nay hai vị này chẳng phải trụ định mà thuộc trụ tán vị, vì có vô tâm này cho nên dẫn làm chứng. Lượng rằng: “Tức là vị sinh tử, biết rõ Chuyển thức chắc chắn không hiện khởi, vì thân tâm tối tăm. Đại thừa và Tiểu thừa đều thừa nhận, cho nên là nhân cực thành. Vị sinh tử của Chuyển thức chẳng phải chỉ có nghĩa của Đại thừa, cho nên được làm tông, đối với Tát-bà-đa thì đây là dụ bất thành. Luận kia chỉ có ba vị, nói là vô tâm, nhưng trước giải thích có hai. Nói rằng chỉ có Thức thứ tám không có Chuyển thức khác. Văn này có thể như thế, tông thì chẳng khác, tức là lấy Du-già quyển 1 làm chứng, là nhập thai mẹ, nói có bản thức, không nói ý, lại dùng văn Luận Đối Pháp làm chứng, chỉ lấy tâm Vô ký làm qua đời. Hai là nói cũng có ý thức, lẽ nào lấy Du-già không nói ý thức thì liền cho là không có. Thức thứ bảy lẽ ra cũng vậy, vì không có nói. Vị này lẽ ra không, nếu tâm Vô ký qua đời thọ sinh thì chỉ có Thức thứ tám. Thức thứ tám hằng hữu thì đâu cần nói, tức là lấy đoạn văn này làm chứng có Thức thứ sáu. Vì phân biệt với dị tánh cho nên nói chỉ có Vô ký. Nếu không như thế thì nói vị vô tâm, sao không nói riêng thọ sinh và qua đời mà chỉ nói năm vị? Sư trước giải thích: “Cũng tức là muộn tuyệt, đều thuộc về vị tối tăm”. Nhưng nay trong Luận này văn thế và bản ý, chỉ chấp lấy có nghĩa của bản thức làm chánh chỗ lập tông mà nói là không có ý thức. Thọ sinh và qua đời chỉ có bản thức, nếu không có bản thức thì lấy gì làm tâm để thọ sinh và qua đời. Nay giải thích thêm rằng: “Là phá tha cho nên còn nói không có ý, chẳng phải chỉ có một thuyết ở đây gồm cả hai sư. Nhưng dưới đây đã không có nói riêng, tức là lấy sư trước làm chánh.

Luận: “Lại, trong đây”, đến “chắc chắn không hiện hành”.

Thuật rằng: Đoạn nhỏ thứ hai lập lỗi của tỷ lượng, trong hai vị này

chắc chắn không có Chuyển thức, vì hành tướng và sở duyên không thể biết được, như vị vô tâm. Chánh phá Tát-bà-đa, dẫn ba vị vô tâm làm dụ. Hoặc gồm phá Kinh bộ, tức là hai tán và hai định ở trước. Năm vị vô tướng, nhưng hai bộ kia nói năm thức không chấp có ý thức, nhưng hiện tại Luận này chánh phá ý thức của họ, và lập ngăn năm thông, nói sáu thức, chẳng phải chánh ngăn chấp. Đây là câu hỏi hoàn toàn không có.

Luận: “Sau thứ Chuyển thức”, đến “như các thời khác”.

Thuật rằng: Đoạn thứ ba nếu có vấn nạn sáu thức, để khiến cho hành tướng và sở duyên cũng có thể được biết. Sinh tử của ông thừa nhận có hành tướng và sở duyên của Chuyển thức đáng nên biết rõ, vì thuộc Chuyển thức, như tán hữu tâm vị khác, nay Luận này tùy theo văn mà nói nhân của nó. Nói sáu thứ Chuyển thức, kể là nói tông, trong tông trước nói về hành tướng và sở duyên của hữu pháp, kể đó lại nói hữu, ở đây nói hữu là hữu Chuyển thức, hành tướng và sở duyên lẽ ra nên biết, có thể biết tức là pháp. “Như các thời khác” là dụ, lấy chữ “nhân vì” đặt trong dụ, chẳng phải trực tiếp với thể văn thì được, cũng lại nghĩa sinh ra khéo thành tựu. Các văn trên dưới phần nhiều như vậy, y theo đây sẽ hiểu. Đã có câu hỏi này, người ngoài hỏi ngược lại. Nói có Chuyển thức mà khiến cho hành tướng có thể biết. Đã có A-lại-da thì hành tướng lẽ ra có thể nói.

Luận: “Thức Dị thực chân thật”, đến “không trái với chánh lý”.

Thuật rằng: Phần thứ hai nói Thức thứ tám là cực vi tế cho nên hành tướng và sở duyên đều không thể biết, phân biệt với thể của Ý thức thứ sáu không phải vi tế, không phải Dị thực chân thật, là dẫn nghiệp quả thuộc về tổng báo, trong một thời quán nối tiếp, ở giữa không gián đoạn, hằng không chuyển biến, tánh nhất định, là vị tán tâm, chẳng phải định vị, là hữu tâm thời, chẳng phải đồng như năm vị vô tâm thời, gọi là tâm sinh tử, không trái với chánh lý. Nay tôi thức này đã chẳng phải Chuyển thức, thể rất nhỏ nhiệm, sinh tử tuy có, nhưng hành tướng và sở duyên đều không thể biết, chẳng đồng như thức của thô thức, cho nên sáu Chuyển thức trái với chánh lý. Trong đây lấy tối tăm làm nhân để giải thích khi sinh tử thì không có nghĩa của Chuyển thức. Các bậc Hiền đều thọ bảm, các giáo đồng nói, kể đó vô lượng Luận sư như Nan-đà, Chánh Pháp Tạng, Thắng Quân v.v... đều cho là hay. Thường dùng để mở mang nét đặc biệt tăng thêm trí lự, thanh danh sáng lạn nước Nguyệt Thị, tiếng khen truyền mãi đến ngày nay. Những người hiểu cạn đề lấy đó làm kim chỉ nam. Chỉ có Đại sư của tôi phá đến sinh nhỏ

nhệm, và ngài vạch ra đây càng nhiều hơn lỗi ở trước. Như kế Luận dưới đây và trong sự ngăn ác kiến chính là bày nghĩa của nó. Nay các nhà giải thích đã nhóm họp đầy đủ Thắng nghĩa, Thánh hiền nêu bày, yếu chỉ càng nổi bật.

Luận: “Có nói năm thức”, đến “ý thức cũng không có”.

Thuật rằng: Dưới đây phần ba phá dị thuyết của Đại thừa có sáu đoạn:

1. Nêu tông.
2. Chánh phá.
3. Nghĩa chống chế.
4. Phá chống chế.
5. Lại chống chế.
6. Lại hỏi.

Đây là nêu tông, năm thức Chuyển thức sinh và tử quyết định không có Đại thừa giáo và Tiểu thừa giáo đồng nhau, nhưng các Hiền đối với vấn đề này thì không có tranh cãi. Nhưng Thức thứ sáu nay nên phân biệt. Ý thức chấp cảnh đều có ba nhân, hoặc nhân ở năm thức, tùy duyên với năm trần, hoặc nhân ở tha giáo, mà riêng sinh hiểu rõ. Hoặc định làm nhân thì cảnh giới có sự mâu nhiệm đặc biệt. Tử vị đã đồng lấy tối tăm làm nhân cho nên không có thuyết khác. Chỉ đối với sinh vị lại càng tăng thêm sự giải thích này. Nhân trước của sinh vị đã không thật có, cho nên ý thức thọ sinh vị cũng không. Nói trong tử vị, hoặc nhân nơi năm thức và tha giáo cho nên ý thức có thể có. Chỉ có lấy tối tăm làm nhân, ban đầu vị thọ sinh các nhân không thành cho nên chỉ một mình làm chứng. Nhưng tuy khởi ý thức một mình, không duyên với giáo, không duyên với năm trần, không duyên với cảnh định, chấp thêm người và pháp. Điều này vì sao không nói? Vô tâm khởi riêng, không nương vào năm trần, tha giáo và định lực mà riêng sinh so lường, vốn chỉ có ba nhân, như kiến và văn, không có nhân khác khởi thì phải nên như thế.

Luận: “Nếu thế thì hữu tình”, đến “không từ đâu khởi”.

Thuật rằng: Phá các sư khác trên sinh giải thích riêng, nghĩa là sinh lên cõi Vô sắc, sau sát-na đầu, thời gian đó lẽ ra ý thức không bao giờ sinh, ban đầu không có ý thức, vì kia đây đồng, hoặc kia nói thọ sinh rồi, kể đó nhập định không có tán ý, lý đó cũng không đúng. Tâm định chắc chắn do tán ý thức dẫn, hoặc gia hạnh làm nhân, như văn, tư v.v..., hoặc sinh đắc thiện dẫn sinh mới khởi, đây là chung cả ba cõi, hai nhân đó của năm đường và tha giáo, cõi kia không có. Có thể dẫn sinh định,

tán tâm ý thức, trong cõi kia không do đâu mà khởi cho nên định làm sao sinh? Chẳng phải mới thọ sinh thì liền đắc định, cho nên ba nhân đó ban đầu không có, cõi kia tán ý thì làm sao duyên được sinh.

Luận: “Hoặc nói rằng kia định”, đến “sẽ hiện ở trước”.

Thuật rằng: Họ lại chống chế giải thích. Hoặc sinh xuống cõi dưới chưa quen tu định, có thể nhờ tán ý dẫn sinh cho định kia. Sức quen tập sau đó khi sinh cõi kia, tâm định noi theo như thế có thể hiện ở trước, cho nên không có lỗi.

Luận: “Nó khi mới sinh lẽ nào không hiện khởi”.

Thuật rằng: Luận chủ vặn hỏi. Tâm định của cõi kia là vị sơ sinh trong một sát-na, lẽ nào không hiện khởi, cũng do năng lực tập quán của cõi dưới, như thời gian sau đó.

Luận: “Lại, cõi Dục”, đến “lẽ ra cũng hiện khởi”.

Thuật rằng: Dưới đây là giai vị mới thọ sinh trong một sát-na, đời trước đã từng tập quen, Ý thức thứ sáu lẽ ra cũng hiện khởi, tức là sinh đắc thiện, hoặc siêng dứt phiền não, tu tập lâu các nghề khéo v.v...

Luận: “Hoặc do tối tăm”, đến “nhọc gì phải nói riêng”.

Thuật rằng: Nếu ông chống chế rằng: “Tâm định mới sinh lên cõi Vô sắc và vị tán tâm sơ sinh trong cõi dưới do tối tăm cho nên ban đầu chưa hiện tiền”. Đây là nhân của các Luận các bậc Hiền cùng bảm, nhọc gì trong đó lại vọng sinh nói riêng.

Luận: “Có bộ khác nói”, đến “đều không thể hiểu rõ”.

Thuật rằng: Các sư Thượng tọa bộ nói: “Có chấp căn bản, có chấp ngọn ngành. Chấp căn bản thì có hai ý thô tế thừa nhận được cùng sinh. Chấp ngọn ngành thì không như thế, chắc chắn khởi khác thời. Nay chấp căn bản này có ý thức vi tế riêng trong vị sinh tử, một loại hành tướng và sở duyên vi tế đều không thể hiểu rõ, chẳng phải như Tát-bà-đa, cho nên tôi không có lỗi đó”, là không đúng.

Luận: “Nên biết tức là”, đến “chẳng phải như vậy”.

Thuật rằng: Đây là Thức thứ tám của tôi. Vì sao? Vì cực thành ý thức không như phải vậy, tức là dùng nhân của ông phá lại ông. Nói rằng họ chấp có hai ý thức sinh, một thô và một tế, ý thức tế thì khi thọ sinh và qua đời đều không thể biết, khác với ý thức thô. Nhiếp Luận của Vô Trước vốn nói: “Lẽ ra hai ý thức đồng thời chuyển v.v... Lại, nương vào nhiệm ô cho nên thời gian không có gián đoạn, sở duyên của ý thức không thật có. Lại, chỗ nương này là chủng tử thức, tức Thức thứ tám mà tôi nói. Các sư của Nhiếp Luận chưa tỏ ngộ văn này, vì chưa từng thấy Luận Duy thức. Không có Luận hai ý thức cùng sinh, Thượng

tọa bộ nói: “Tôi không khen ngợi kinh này, trong bộ kinh của tôi không có lời này”. Hoặc nói không có Luận hai ý thức cùng sinh, và không có câu nói hai ý thức sâu kín cùng sinh, đều làm chướng hai ý thức thô và tế cùng sinh, cho nên không có hại. Lại, nhân của pháp Nhân Minh có ba tướng, dựa vào nhân nhiễm ô, nhân thời vô đoạn, thiếu vô đồng phẩm định có một tướng, chẳng phải chánh tỷ lượng. Sở duyên của ý thức không thể biết, là như bản thức duyên thân và khí của Đại thừa. Chủng thức sở y tức là bản thức, nhọc gì mà đối dẫn, thể này chẳng phải là thức mà ông chấp. Nay ý Luận cho rằng: “ông nói không đúng. Vả lại ban đầu có vấn nạn hai ý thức cùng sinh, lẽ ra cũng có hai nhân thức thô tế cùng sinh, vì thuộc Chuyển thức, như ý thức, hoặc ý thức không nên có hai thức thô tế cùng sinh, như nhân thức v.v... nên biết kinh trên không có văn quyết định nói lấy lý chứng như thế, lẽ nào tùy theo tình mà bác bỏ Thánh giáo. Tiếp theo ba nhân, đây chẳng phải là Chánh lượng, là lập lượng rằng: “Ý thức sâu kín mà ông nói chắc chắn chẳng phải ý thức, vì cực thành ý thức chẳng phải như vậy, như nhân thức v.v... hoặc vì sở duyên của ý thức hành tướng rõ ràng không thật có, cũng như năm thức”. Chỉ có nhân thứ ba là thành tựu tỷ lượng đó, hai nhân trước thì ngược lại hiển bày lý thẳng theo, không làm tỷ lượng thì làm sao ngộ được bằng cứ. Nay Luận này nói: “Ý thức cực thành không phải như vậy, tức là nhân thứ ba của họ, văn tuy không đồng với nghĩa thế là một, vì do lượng trước. Ý thức tế của ông tức là A-lại-da của tôi”, cho nên các sư của Thượng tọa không phù hợp chánh lý.

Từ đây trở xuống, văn của Luận phá chung các bộ.

Luận: “Lại, khi sắp chết”, đến “lãnh xúc dần dần khởi”.

Thuật rằng: Dưới đây là câu hỏi thứ năm. Khi chết thì dần dần xả thức, vô tánh và Nhiếp Luận của Thế Thân đều ghi: “Nghiệp thiện thì từ dưới lạnh lên, nghiệp ác thì từ trên lạnh xuống. Do đó mà sinh các thẳng thú hoặc ác thú khác nhau”. Du-già quyển 1 ghi: “Từ dưới lạnh lên trên, sau đó đến tâm, chỗ này từ mới sinh lạnh cho đến cuối cùng mới xả”.

Luận: “Nếu không có thức này”, đến “thân chấp thọ”.

Thuật rằng: Như trên nói sáu thứ chẳng phải chấp thọ, vì xả chấp thọ thì lạnh liền sinh.

Luận: “Năm thức như nhãn”, đến “vì không hiện hành”.

Thuật rằng: Năm thức nương riêng. Nếu có thể chấp thọ khi không có thức thì thân lạnh lẽ ra khởi. Nếu thân thức có thể chấp thọ khắp, hoặc không hiện hành, khi dần dần qua đời cũng trước xả năm thức thân.

Luận: “Ý thức thứ sáu không trụ thân”.

Thuật rằng: Ý thức trụ thân có thể do khởi xúc, không phải quyết định chấp lấy xúc trụ trong thân, chẳng phải không có ý thức thì thân liền sinh lạnh. Thức thứ tám trụ thân thì hơi ấm khởi, Thức thứ tám không trụ thân thì lạnh xúc khởi.

Luận: “Cảnh bất định”.

Thuật rằng: Lại, cảnh của Thức thứ sáu bất định cho nên cảnh duyên có chuyển dịch, cảnh này khi qua đời thì hành tướng nhỏ nhiệm, vì duyên cảnh một loại, không phải Thức thứ sáu có tướng trạng đó.

Luận: “Trong biến ký thân hằng nối tiếp”.

Thuật rằng: Ý thức thứ sáu khi thường hằng khởi, gặp cảnh thì liền duyên, tùy theo chỗ nương mà liền dừng lại, không đồng với bản thức trụ lâu một chỗ nương quyết định duyên cảnh này.

Luận: “Không nên lãnh xúc do sáu thức dần dần sinh”.

Thuật rằng: Do bảy thức trong văn dưới có chấp một loại. Thức thứ tám lấy năm căn làm sở y, như trong đây nói năm thức đều nương riêng không thể chấp được, chỗ nương chung thì có thể chấp. Nếu không nương vào căn có thể chấp thọ thì Thức thứ sáu cũng như thế. Nếu không nương thì không thể chấp, vì liền lấy Thức thứ tám làm bất định, đó là nguyên nhân Thức thứ tám lấy năm căn làm sở y, và trong đó nói rằng vì không trụ thân, cho nên Thức thứ tám cũng trụ vào thân.

Luận: “Chỉ có tâm Dị thực”, đến “không lìa nhau”.

Thuật rằng: Dưới đây tổng kết rằng: Chỉ có Thức thứ tám tâm Dị thực chân thật, do nghiệp lực trước hằng không đoạn, nối tiếp chấp khắp thân. Xả chấp thọ xứ thì lãnh xúc liền khởi, và ba pháp thọ, noãn và thức không lìa nhau.

Luận: “Chỗ lãnh xúc khởi”, đến “Thức thứ tám này”.

Thuật rằng: Thức không có chấp xứ, tức là chẳng phải tình, chỗ nhiếp của dẫn quả là loại khí vật. Tuy Thức thứ tám biến đổi rồi cũng duyên mà không chấp thọ, cũng như râu tóc, cho nên thức này có. Từ trên đến đây, phần thứ nhất dẫn giáo cùng tranh cãi để phá riêng các bộ khác, phần thứ hai là dẫn các việc đặt thành câu hỏi, phần thứ ba là văn tổng kết trên.

Luận: “Lại nữa, Khế kinh nói”, đến “không có”.

Thuật rằng: Từ đây trở xuống câu hỏi thứ bảy về kinh danh sắc. Nhiếp Luận quyên ba đồng với đây. Văn rất dễ hiểu. Phần thứ hai là câu hỏi.

Luận: “Nói rằng trong kinh kia”, đến “Yết-la-lam”.

Thuật rằng: Văn dưới đây có bốn phần:

1. Tựa kinh.
2. Nêu câu hỏi.
3. Phá chống chế.
4. Lập lượng.

Đây là phần tựa kinh. Kinh kia tự giải thích, gọi là bốn uẩn phi sắc. Sắc là Yết-la-lam v.v..., đồng với các vị khác. Yết-la-lam này gọi là tạp uế, bất tịnh của cha mẹ gọi là tạp, rất nhàm chán gọi là uế.

Luận: “Hai pháp này cùng với thức”, đến “không lia bỏ nhau”.

Thuật rằng: Là danh và sắc. Hai pháp này cùng với thức nương nhau mà trụ. Vô tánh giải thích: “Hai pháp đều dùng thức làm nhân duyên. Thức lại nương vào đây xoay vần nối tiếp mà chuyển, tức là nghĩa trong đây nương tựa lẫn nhau, lại dẫn nhân quả đồng thời làm thí dụ. Như hai bó lau làm duyên lẫn nhau hằng đồng thời chuyển không lia bỏ nhau. Theo sư Tát-bà-đa, khi yết-la-lam thì không có năm thức cho nên chỉ có ý. Ý tức là thức, thức đồng thời với tâm, lời nói ra là danh, danh đã nhiếp chung với bốn uẩn phi sắc. Tông kia giải thích rằng: “Danh gồm nhiếp bốn, nhưng thật ra chỉ có ba, là vì không có thức uẩn, nên không tương ưng với danh”. Kinh tự giải thích: “Danh chung với bốn uẩn cho nên trái nhau. Nếu cho rằng niệm ban đầu tuy không có thức thì niệm thứ hai gọi là thức trong danh, nói niệm thức ban đầu là danh ngoài thức. Nói nương lẫn nhau, tức là dụ bó lau đạo lý không thành, vì không đồng thời có. Nếu giai vị này và sau cùng thừa nhận có năm thức thì sinh các thức không đồng thời, cho nên không có nghĩa đồng thời nương nhau, tức là bộ kia không thể giải thích kinh này, lại càng không có lý để chống chế. Đạo lý của các sư Kinh bộ đồng với ở đây. Du-già quyển 9 có hai nghĩa giải thích:

1. Câu hữu y căn, sắc và duyên Đẳng vô gián nương căn gọi là danh, tùy chỗ thích ứng của nó mà làm sở y của sáu thức, vì y chỉ kia, cho đến qua đời thì các thức trôi lăn. Giải thích này chung với Đại thừa và Tiểu thừa, là giúp cho tông kia chẳng phải muốn tự giải thích. Lại, nếu như thế chỉ lấy tự tướng mong trước sau làm duyên thì thí dụ bó lau không thành. Luận kia vẫn tiếp theo cũng có thí dụ này, nên biết thuyết này còn tùy tiểu tướng, vẫn chẳng phải đồng dụ.

2. Lại năm sắc căn, đại chủng là sở y của căn, và nơi chốn của căn kia có thể sinh đại chủng là sắc. Ngoài ra gọi là danh, phải do có thức chấp thọ các căn, tùy pháp nối tiếp mới được trôi lăn, tức là đồng với giải thích này, cho nên Tiểu thừa không có giải thích, chỉ có Thượng

tọa bộ gọi tế ý là thức, thô ý gọi là danh. Như trước đã ngăn có hai thức khởi, cho nên nay ở đây không nói.

Luận: “Các Chuyển thức như nhãn”, đến “nói cái nào là thức”. Thuật rằng: Trong phần thứ hai nêu câu hỏi, nếu vị Át-bộ-đàm, các Chuyển thức như nhãn... thuộc trong tên của bốn uẩn. Nếu không có bản thức này, sáu thức không đồng thời thì nói cái nào là thức?

Luận: “Cũng không thể nói”, đến “không có năm thức”.

Thuật rằng: Phần thứ ba là phá chống chế. Nếu Luận kia nói thức trong bốn danh uẩn là năm thức thân, chỗ cùng với tương nương thức là Thức thứ sáu. Nếu thế thì khi vị yết-la-lam không có năm thức thì nói cái nào là thức trong danh? Đại thừa và Tiểu thừa cùng thừa nhận yết-la-lam vị bảy ngày trở xuống không có năm thức, cho nên đối với vị này không có thức trong danh. Hoặc họ vặn hỏi rằng: “Ông cũng bảy ngày không có năm thức thân, thức trong danh kia, thể của nó là gì?” Là Thức thứ bảy. Lại, trừ niệm ban đầu ra thì các thời gian khác cũng thừa nhận Thức thứ sáu khởi, ý thức tức là thức uẩn trong danh, có gì trái đâu! Chính các thức của Đại chúng bộ cùng sinh, bảy ngày trở xuống thân thức chưa khởi, bảy ngày trở lên thân thức sinh làm thức trong danh. Lại giải thích rằng, kinh nói danh sắc làm duyên lẫn nhau, trừ bảy ngày đầu và thời gian dài khác. Như Đại thừa ông nói Ý thức thứ sáu làm thức trong danh, niệm ban đầu thừa nhận không có, về sau đồng thời khởi gọi là làm duyên lẫn nhau, từ nhiều vị mà nói, tôi cũng như vậy. Bảy ngày cũng như niệm ban đầu, các vị khác cũng lại là thời gian dài. Nói theo thời gian dài thì cũng làm duyên lẫn nhau không trái với lý. Luận này cũng như thế. Niệm ban đầu của tôi cũng làm duyên lẫn nhau, có riêng mặt-na làm thức trong danh. Niệm thứ hai sau ý thức lại sinh, không có lỗi trái nhau. Trong kinh chẳng phải y theo thời gian dài mà có nói, cho nên chẳng phải thức làm chứng.

Luận: “Lại, các Chuyển thức”, đến “hiển bày Thức thứ tám”.

Thuật rằng: Phần thứ tư là lập lượng. Nếu thừa nhận vị sau thời gian dài và vị ban đầu có năm thức, tức là các Chuyển thức có gián đoạn, có chuyển dịch, tánh là không bền chắc, không có năng lực, tất cả thời chấp trì danh sắc, vì sao nói hằng cùng làm duyên? Vì thể chẳng phải hằng. Lượng rằng: “Chuyển thức không thể hằng trì danh sắc, vì có gián đoạn, như tiếng gió v.v... Nhiếp Luận đều là thức lui sụt, nếu thức không hoại danh sắc thì có được lớn lên hay không? Đều là thuộc trong đây, lý đã làm duyên lẫn nhau, vì thuộc về thức. Thức này là tánh của Thức thứ tám.